

KÍNH BÁO BẠN ĐỌC NHÂN DỊP TÁI BẢN

TẬP VĂN CÚNG GIA TIÊN, từ khi ra đời đã được bạn đọc nhiều nơi hâm mộ, song về hình thức trình bày, in ấn còn nhiều thiếu sót. Lần tái bản này chúng tôi cố gắng sửa chữa những khuyết điểm đã được bạn đọc thân tình chỉ bảo và bổ sung một số bài, trong đó có những bài do một số bạn đọc gửi thư cung cấp. Phần lớn các bài văn khấn, kể cả lễ gia thần, lần tái bản này đều có bổ sung phần tiếng Việt để phục vụ được nhiều đối tượng rộng rãi hơn.

Nhân dịp tái bản, chúng tôi xin chân thành cảm ơn bạn đọc và hy vọng nhận được nhiều ý kiến quý báu để cuốn sách ngày càng được hoàn thiện và phục vụ bạn đọc được tốt hơn.

Giá : 6.000 đ

Phong tục cổ truyền Việt Nam

TẬP VĂN CÚNG GIA TIÊN



生成萬古山字

狗育恩深蒼海大

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC



PHONG TỤC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

TẬP VĂN CÚNG GIA TIÊN

TÂN VIỆT SƯU TẦM,
LƯỢC DỊCH, CHỈNH BIÊN
Tái bản có sửa chữa, bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

HÀ NỘI - 1993

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	7
Lời nói đầu	8
Phần I: GIA LỄ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	11
A- Thờ gia tiên và gia thần - phong tục cổ truyền Việt Nam	12
1- Phân biệt thờ gia tiên và gia thần.	12
2- Giới thiệu nội dung và hình thức hai loại văn tế và văn điệu.	13
B- Văn lễ thường	16
I. Văn cúng giỗ	16
- Mẫu chung	16
- Hướng dẫn lập mẫu văn cúng giỗ	18
- Cách lập linh vị	20
- Lễ cáo thổ thần, long mạch (Trước khi cúng giỗ)	21
- Lễ tiên thường (Cúng trước ngày giỗ)	24
- Lễ chính kỵ (Ngày giỗ chính)	24
- Văn tế tiên tổ	27
II. Văn cúng trong các ngày lễ tiết	30
- Các ngày lễ tiết trong năm	30
- Mẫu văn cúng ngày lễ tiết.	32
- Lễ chạp (Tạ long mạch, rước gia tiên về nhà hoặc về từ đường ăn tết)	34
- Lễ trừ tịch (Chiều 30 tết)	35

- Lễ giao thừa	36
- Lễ nguyên đán (Sáng mồng một tết)	37
- Lễ tạ (Lễ hóa vàng)	40
- Lễ thượng nguyên (Rằm tháng riêng)	40
- Lễ thanh minh và tảo mộ	41
- Lễ đoan ngo (Mùng 5 tháng 5)	44
- Lễ trung nguyên (Rằm tháng 7)	44
- Lễ trọng xuân, trọng thu (Ngày Đinh sau cùng của tháng 2, tháng 8)	45
- Lễ sóc (ngày mồng một), lễ vọng (ngày rằm)	46
- Lễ tảo quân (23 tháng chạp)	46
- Lễ khẩn cầu Thánh Mẫu (Bà chúa Liễu Hạnh)	48
- Lễ thường tân (cúng cơm gạo mới)	50
III. Văn cúng trong các lễ không định kỳ	52
- Lễ hợp hôn tế tơ hồng	52
- Lễ chẵn tháng, chẵn năm cho con (Văn cúng bà mụ)	55
- Lễ động thổ	57
- Lễ nhập trạch quy hỏa (Khánh thành nhà)	58
- Lễ mừng thọ, chúc thọ	60
- Lễ khánh thành nhà thờ tổ	64
C- Văn lễ tang	69
I. Lễ tang từ khi mất đến mãn tang	70
- Lễ thiết linh (Lập bàn thờ tang, đặt linh vị)	70
- Lễ thành phục (Bắt đầu mặc đồ tang)	71
- Lễ chúc thực (Ban đêm thân nhân túc trực quanh linh cữu)	73
- Lễ cáo long thần thổ công trước khi đào huyệt	74

- Lễ thành phần (Đáp xong mộ)	76
- Lễ hồi linh (Rước linh vị về nhà hoặc từ đường)	79
- Lễ châu thổ (Yết cáo thổ tiên sau khi hồi linh)	80
- Lễ triêu tịch điện văn (Lễ cúng cơm trong trăm ngày)	81
- Lễ tế ngu (3 ngày đầu sau khi chôn cất xong)	82
- Lễ chung thất và tốt khóc (49 và 100 ngày)	83
- Lễ tiểu tường, đại tường (Giỗ đầu và giỗ thứ hai)	85
- Lễ đàm tế (Lễ hết tang trừ phục)	87
- Lễ rước linh vị vào chính điện và yết cáo thần tổ	89
- Lễ cải cát (Lễ sang tiểu, sửa mộ hoặc dời mộ)	91
II. Các ngày lễ tiết trong vòng tang	92
- Lễ sóc, vọng (Cúng mồng một và rằm trong vòng tang)	92
- Lễ đoan ngo (Mùng 5 tháng 5)	92
- Lễ trung nguyên (Rằm tháng 7)	93
- Con khóc cha	96
- Con cúng mẹ, chồng cúng vợ (đồng tế trong các ngày lễ tiết)	102
Phần II: PHỤ LỤC	104
- Văn tế cô hồn thập loại chúng sinh - Nguyễn Du	105
- Văn tế đức Thánh Trần - Á Nam Trần Tuấn Khải	114
- Ai tư văn - Ngọc Hân công chúa khóc chồng	117

- Con rể và con gái khóc mẹ vợ - Trích Mã Phụng Xuân Hương	118
- Bài xương lễ trong lễ tế thần hoặc tế tổ	120

Phần III. CHÚ GIẢI CÁC TỪ CỔ 124

- Một số khái niệm	125
- Âm và dương	125
- Mồ mả	128
- Đạo hiếu	129
- Một số từ cổ thuần Việt	131
- Ngũ phục	132
- Phần lễ thường	133
- Phần lễ tang	137
- Mẫu linh vị	141

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

"Văn cúng gia tiên" là một tập trong bộ sách "Phong tục cổ truyền người Việt" của Nhà xuất bản Văn hóa Dân tộc.

Trong từng tập sách, các tác giả đã cố gắng trình bày, miêu tả một cách chân thực những phong tục hay, những nét văn hóa đẹp cũng như miêu tả, phân tích, phê phán những luật tục còn hạn chế để bạn đọc ngày càng thêm hiểu, thêm yêu quý những nét đẹp truyền thống của phong tục Việt Nam, đồng thời tham gia phê phán, loại bỏ dần những yếu tố lạc hậu, lỗi thời, để xây dựng một nền văn hóa mới dân tộc và hiện đại, theo phương châm của Đảng.

Là thiện ý của Nhà xuất bản, nhưng trong quá trình thực hiện bộ sách này, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, sơ suất về tư liệu, cách lý giải... Chúng tôi mạnh dạn giới thiệu bộ sách và rất mong được các bậc cao niên, các nhà văn hóa, các nhà khoa học góp ý kiến để chúng tôi thực hiện được tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

LỜI NÓI ĐẦU

Việc thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ, việc tổ chức tang, tế, giỗ chạp trong các gia đình, các chi họ, gọi tắt là gia lễ, là việc hiếu, tỵ ngàn xưa đã in sâu trong tâm linh của mọi người. Dân tộc ta từ Nam chí Bắc, dù ai theo thuyết duy tâm hay duy vật, dù ai tín ngưỡng hay bài bác thuyết thần linh, nhưng với ý niệm: "cây có gốc, nước có nguồn", đều coi trọng gia lễ. Mọi nhà rộng hay hẹp, sang hay hèn, đều có bàn thờ gia tiên đặt nơi trang trọng nhất. Ngày giỗ ngày Tết, giàu sang hay nghèo khó đến đâu, cũng có cây hương, bát nước dâng lên tỏ lòng thành kính.

Ngày xưa, tang, diếu, giỗ, tế có nhiều nghi lễ phức tạp, song cũng tùy phong tục địa phương, tùy hoàn cảnh từng gia đình mà vận dụng. Ngày nay, theo nếp sống văn hóa mới, theo đà tiến chung của nhân loại, lễ nghi cũng cần có sự đổi mới phù hợp với thời đại. Thí dụ: trong tang lễ xưa, có lễ Thiết linh thất hồn bạch, đặt linh vị, nay thay bằng bức chân dung. Nhưng nếu không có ảnh, cũng không có bài vị, thì trông lên bàn thờ trống trải kém về tôn nghiêm. Ngày xưa, Tiết Trung nguyên có lễ đốt vàng mã tế thần Vũ Lâm (VuLan) là thần "Âm dương chuyển vận sứ", thời nay xét thấy lễ đó dạt nhiều màu sắc mê tín dị đoan, nên nhiều nơi đã bãi bỏ. Ngày xưa trong buổi lễ có quỳ bái, diễn đọc, sơ hiến, tái hiến, tam hiến tuần, nay chỉ có một số đền miếu phục hồi diễn lễ cũ, để ôn lại không khí trang nghiêm, còn các gia đình và chi họ đã đơn giản hóa và thay thế bằng hình thức dâng hương mặc niệm v.v.... Ngày xưa từ khi mất đến khi hết tang có rất nhiều lễ, ngày nay giản lược chỉ còn một vài lễ được coi là lễ trọng.

Tóm lại, theo Phan Kế Bính "... xét thấy điều gì quá tệ, bỏ bớt đi, rồi lâu lâu mới đem các tục hay mà bổ kết cho các tục dở. Còn tục gì hay mà là quốc túy của ta thì cứ giữ lấy..." (Xem Việt Nam phong tục - Bài tựa). Vì vậy có những điều đã thuộc vào tâm thức, đã trở thành quy ước xã hội, không dễ gì bác bỏ. Vậy không thể phiến diện đánh giá việc tuân thủ lễ nghi gia tiên là mê tín dị đoan, là phục hồi lễ giáo

phong kiến. Không nhất thiết phải có cúng giỗ, có mâm cao cỗ đầy mới thể hiện được đạo hiếu. Đồng bào công giáo cầu nguyện trước tượng Chúa. Tín đồ Phật giáo làm lễ cầu siêu. Một số gia đình Âu hóa làm kỷ niệm ngày sinh thay cho lễ giỗ. Ở đây chúng tôi giới thiệu phong tục cổ truyền của dân tộc không có nghĩa là nhắc các gia đình tuân thủ mọi lễ nghi. Điều gì hay ta nên giữ, điều gì dở, ta loại dần.

Thí dụ trong lễ tang, khi khách vái lạy cha mẹ mình, thì tang chủ phải lễ tạ khách. Đó là lễ tục hay, ở thời nào cũng nên giữ, không nên cho đó là phong kiến lạc hậu, tuy nhiên có thể thay bằng cách nghiêng mình cúi đầu thay cho hai lạy thời xưa. Ví phỏng, trước bàn thờ, khách vái lạy cha mẹ mình, mình lại đưa tay ra bắt tay khách thì có vẻ trịch thượng, mặc dầu bắt tay rất đúng phép lịch sự xã giao thông thường.

Khi đã kính cẩn dâng lễ vật lên bàn thờ, thành kính đốt nén hương thơm, trầm ngâm nhìn lên linh tọa, con cháu muốn thổ lộ tâm tình, tưởng niệm, khẩn vái. Ngày xưa đọc văn bằng chữ Hán, đọc xong đốt bài văn (gọi là phần chú). Ngày nay, có thể khẩn nôm.

Lâu nay, nhiều bà con đề nghị chúng tôi phỏng theo nội dung gia lễ xưa soạn thành văn khấn các lễ theo tiếng Việt, để thể hiện được tâm tư tình cảm trước bàn thờ tổ tiên, giúp cho con cháu dễ hiểu, dễ nhớ. Điều đó hay hơn mượn thầy cúng đọc bằng chữ Hán, trong khi con cháu tề tựu quanh linh sàng mà chẳng hiểu nội dung nói gì.

Gần đây chúng tôi sưu tầm được một số bài văn cúng phỏng theo nguyên bản chữ Hán đã được diễn nôm từ thời thuộc Pháp (phần lễ tang). Theo thiên ý đây là tài liệu có giá trị văn học, làm theo cổ thể, chủ yếu theo thể tứ lục và biến văn, có đối, có vần, có nhạc điệu, âm hưởng, tiết tấu hợp với nội dung từng lễ. Kết hợp tìm thêm một số bài rải rác ở các địa phương ngoài Bắc và Thanh Nghệ Tĩnh, soạn thành tập văn khấn này. Trong quá trình biên dịch, chúng tôi lược bỏ những lễ không còn hợp thời, những từ cổ và những câu, đoạn khó hiểu, cải biên theo từ ngữ hiện đại, còn các thành ngữ thuộc phần diễn cổ văn giữ nguyên dạng, cốt để truyền được không khí trang nghiêm, cổ kính trong khi hành lễ.

Văn cúng lễ nên đọc theo âm Hán hay âm Việt? Có người cho rằng: đã tuân theo cổ lễ thì nên đọc bằng Hán văn và đốt bài văn mới thấu tới cõi âm!!! Lại có ý kiến cho rằng: nếu đọc bằng chữ Hán, người

nghe thời nay chẳng hiểu gì và trong tương lai không xa nữa, kể cả người đọc cũng chẳng biết mình đang nói gì! Tập này có cả phần phiên âm chữ Hán và phần tiếng Việt. Một số bài như lễ yết cáo thành hoàng, thổ thần, long mạch chỉ đọc bằng Hán văn. Còn các bài trong lễ tang, cần truyền cảm cho thân bằng cố hữu và con cháu, nên soạn theo tiếng Việt theo thể văn điệu là chính. Các bài khấn bằng chữ Hán tuy nội dung cơ bản thống nhất, nhưng cách hành văn và cách đọc ở từng địa phương có khác nhau. Thí dụ: "Cẩn cáo" có nơi đọc là "Cẩn cốc". Văn cổ thể rất chú trọng âm vận, luật bằng trắc, thanh điệu, tiết tấu v.v... Có những câu dài, tuy đọc đúng chính tả, nhưng ngắt hơi không đúng chỗ trở thành vô nghĩa. Văn lễ lễ được đọc thận trọng, rõ ràng, khúc chiết, mới có sức truyền cảm. Vì vậy ngoài dấu chấm câu thường lệ, chúng tôi dùng thêm các ký hiệu (/ và //) giúp bạn đọc phân biệt chỗ ngắt hơi ngắn, hay dài.

Thực hiện cho hết những ngày lễ, tiết trong năm cũng như các phần lễ của từng buổi lễ như lễ tang thì thật là phong phú nhưng nhiều khi cũng gây cho gia chủ nhiều phiền toái, vất vả, tốn kém, nhất là trong hoàn cảnh lịch sử hiện nay. Có những mẫu chung, nhưng khi vận dụng vào từng buổi lễ, thì tùy theo hoàn cảnh, đối tượng cụ thể mà bổ sung, sửa chữa thích hợp. Vì vậy, phần phụ lục nhằm giải thích, minh họa những phần trên và gợi ý các bạn yêu thích văn học cổ ứng tác hoặc bổ sung.

Theo phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, gần đây một số đại tộc, chi họ đã dùng hình thức đọc diễn văn, thay cho hình thức đọc văn ngày trước.

Thiết nghĩ, theo đà tiến chung của xã hội, lễ nghi cũng phải dần dần đổi mới. Trong tương lai, văn khấn có thể cũng sẽ bị loại trừ, song cái cốt lõi là di sản văn hóa cổ truyền của dân tộc, sự tôn trọng đạo lý, phụng sự tổ tiên... sẽ trường tồn trong tâm tưởng mỗi người dân Việt Nam.

Kính bút
TÂN VIỆT

PHẦN I

GIA LỄ CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

A - Thờ gia tiên và gia thần - phong tục cổ truyền Việt Nam

1/ PHÂN BIỆT THỜ GIA TIÊN VÀ GIA THẦN

Gia tiên là danh từ gọi chung cha mẹ, chú bác, ông bà, cụ, kỵ, tổ tiên đã khuất, nói nôm na gọi là "ông vải". Theo phong tục, thờ phụng gia tiên là thể hiện đạo hiếu. Dân tộc ta theo phong tục cổ truyền, đầu thuộc tôn giáo, đạo giáo nào cũng thờ phụng tổ tiên. Còn gia thần, thì có nhà thờ thần này có nhà thờ thần khác, cũng có nhà không thờ. Điều đó thuộc tự do tín ngưỡng.

Theo Lễ ký, (Nho, Phật, Lão) = gia thần là các vị thần linh cai quản các gia đình. Ngũ tự gia thần gồm: Thần cổng, thần cửa, thần bếp, thần giếng và thần trung lựu (tức là thần giữa sân). Một tài liệu gia lễ khác gọi Ngũ tự gia thần là = Táo quân (thần bếp), thổ công (thần giữ đất vườn), Tiên sư (thần quản về nghề nghiệp làm ăn), Môn gia hộ úy (thần giữ cổng), Nhân súc y thần (thần bảo vệ sức khỏe người và súc vật). Nay phổ biến thờ hai vị chính là Táo quân và Thổ công.

Ngoài ra mỗi địa phương có phong tục riêng, còn thờ các vị thần khác như thần Tài, thần Nông... có nhà còn đặt thêm điện thờ thánh Mẫu, thánh Trần v.v... hoặc xây bệ ngoài sân cúng lễ Tiên chủ (tức là chủ đất đai, nhà cửa trước đã ở đó). Thờ tiên chủ để tạ công ơn khai phá của người xưa, nhưng không được phép thờ trong nhà như gia tiên mình, có bàn thờ nhưng không có linh vị đề tên ai cả.

Có nơi đặt bàn thờ gia tiên riêng, gia thần riêng. Nhà có n thờ thờ gia tiên ở nhà thờ họ hoặc ở nhà anh cả, song cũng lập bàn thờ gia thần. Nếu thờ riêng thì nội dung văn khấn cũng khác.

Dưới đây là nội dung văn khấn đối với bàn thờ chung gia thần và gia tiên. Song tùy từng lễ, cách khấn khác nhau. Các ngày lễ tiết, khấn gia thần trước, gia tiên sau. Các ngày giỗ và tế tổ khấn gia tiên (người

được cúng giỗ) trước, yết cáo gia thần sau.

Lễ giỗ chỉ cúng từ cao tăng tổ trở xuống, đến ông bà cha mẹ. Giỗ trọng là giỗ cha mẹ hoặc ông bà. Trên năm đời tổ giỗ, nhập chung vào lễ tế tổ. Riêng bàn thờ tang, không cúng lễ ai ngoài vong hồn mỗi mất.

2/ GIỚI THIỆU NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC HAI LOẠI VĂN TẾ VÀ VĂN ĐIỀU (văn lễ thường và văn lễ tang)

Bài này không phải là luận văn hay chuyên luận về đề tài trên. Chúng tôi nêu một số ý kiến thô thiển dưới đây, chỉ nhằm mục đích giúp bạn đọc hiểu và vận dụng thích nghi các bài văn lễ thường và lễ tang. Ở các địa phương hiện còn nhiều vị có kiến thức cao rộng, có hiểu biết sâu về các loại văn cổ. Song, để giúp các gia đình khỏi phải tìm thầy, mà tự mình có thể bổ sung sửa đổi bài văn cho thích hợp với từng đối tượng, thời gian, hoàn cảnh, thì khi đọc lên mỗi sinh động hơn, gây cảm xúc mạnh hơn, có giá trị văn học cao hơn. Thí dụ: Trong phần lễ tang, có những từ như "núi Hổ, núi Dī" "Nam cực, Bảo vụ" v.v... là những địa danh cổ, những điển cố bên Trung Quốc xa xưa, nếu ta thay bằng tên sông núi quê ta, ắt là hay hơn, hoặc các bạn có thể soạn thêm các bài khác.

Muốn bổ sung sửa đổi, dẫu chỉ một vài từ, một đoạn, một câu, cũng cần có hiểu biết nhất định về tiết tấu, âm vận, luật trắc bằng, phép đối, cách gieo vần trong văn cổ thể; nếu không, dễ trở thành trực trặc, ngô nghê, khó đọc, khó hiểu.

Văn lễ tang hay lễ thường (sau khi hết tang) nói chung cũng là văn tế, nhưng khác nhau cả về nội dung, cấu trúc và hình thức thể loại. Để dễ phân biệt, ta gọi văn lễ tang là điệu văn, văn lễ thường là tế văn hay lễ cáo. (Tế văn là viết thành văn mà đọc trong buổi lễ, đọc xong thì đốt, lễ cáo là khấn miệng).

Điệu văn: tức là văn tỏ lòng thương tiếc đối với người mới từ trần, do người trực tiếp phúng điệu tự đọc. Những bài trong tập này, dùng

cho tang chủ khóc than, do chủ lễ, hoặc người thay mặt nhân danh chủ lễ, báo cáo với thần linh và vong hồn. Giọng văn bi ai, não nùng, trang nghiêm. Có thể dùng các thể loại văn vần tứ lục, lục bát, song thất lục bát v.v... nhưng phổ biến hơn cả là thể văn biền ngẫu. Văn biền ngẫu cũng là thể phú. Có những bài phú một văn hoặc nhiều văn, mỗi đoạn một văn theo thứ tự hạn vận. Trong văn điệu thường chỉ gico một văn từ đầu đến cuối bài. Văn biền ngẫu có câu ngắn, câu dài, không hạn định số chữ, câu dài thì một câu chia ra nhiều khổ, trắc bằng xen kẽ nhau, khổ cuối cùng của câu phải hợp vần với cả bài. Đặc điểm của văn biền ngẫu là: một câu bao giờ cũng phải có hai vế đối nhau và phải vận dụng được thanh điệu bằng trắc nhịp nhàng, khi đọc lên bổng xuống trầm, thanh thoát. Có hình thức thích hợp mới chứa đựng được nội dung gây cảm xúc cho người nghe. Có những bài điệu văn, đọc lên đã làm cho mọi người không cảm nổi nước mắt. (Nhiều bài văn truy điệu các anh hùng liệt sĩ có mạch văn hùng tráng, nhằm cổ vũ khí thế quần chúng, nâng cao chí căm thù, lòng yêu nước và một số bài văn tế có tính trào phúng, không thuộc phạm vi trích dẫn trong tập này).

- Thể tứ lục gồm những câu 4 chữ, xen lẫn câu 6 chữ, hoặc mỗi câu hai vế đối nhau, mỗi vế có hai khổ: trên 4 dưới 6 hoặc trên 6 dưới 4, cũng có thể quá 7 chữ và không đòi hỏi đối chặt chẽ như thể biền văn hoặc thơ luật Đường. Song câu không quá dài và cần chú trọng cách gico vần. Nếu câu ngắn 4 hoặc 6 chữ, thì xen kẽ cứ 2 câu văn trắc lại đến 2 câu văn bằng.

Cũng có một số bài theo thể loại khác như thơ ngũ ngôn, thất ngôn, Đường luật, thơ cổ phong, thơ trường thiên v.v... Cũng có bài văn điệu viết bằng văn xuôi được truyền tụng như Giọt lệ thu, Linh phượng Lệ ký, Tương Phố khóc chồng, Đông Hồ khóc vợ v.v...

Kết cấu của một bài văn điệu đại thể như sau:

Mở đầu bằng một vài câu nói lên lễ tự nhiên xui nên ly biệt - nhìn cảnh cũ mà nhớ đến người xưa.

Tiếp đến "Nhớ linh xưa": nói đến dung mạo, phong cách, đạo đức,

công trạng của người đã khuất.

Sau đó: "Thương là thương", "tiếc là tiếc..." "tưởng những..." "nào ngò...": nói lên tình cảnh, bày tỏ nỗi tiếc thương, đau buồn (Phần này là thân bài, dài nhất).

Phần kết: bày tỏ mối quan hệ giữa người đến viếng và người từ trần.

Cuối cùng là khấn nguyện hoặc an ủi.

Văn lễ thường hay Tế cáo văn:

Tùy theo nội dung từng lễ, do người chủ lễ khấn, hoặc nếu có người đọc văn cũng nhân danh người chủ lễ: Có ai từ là... (đối với lễ tang), trưởng nam hay tự tôn là... (đối với lễ thường cúng gia tiên), tín chủ là... (đối với lễ gia thần), tộc trưởng là... (đối với lễ tổ), tế chủ là... (đối với các đại lễ, người có uy vọng nhất trong địa phương làm chủ tế) v.v...

Văn cúng khấn bằng Hán văn hay Quốc văn (khấn Nôm), văn xuôi hay văn vần, nhưng thường dùng theo cổ thể, phổ biến là thể tứ lục, hoặc văn vần 4 chữ một: cứ hai câu văn trắc lại chuyển sang hai câu văn bằng, có đối nhưng không đòi hỏi chặt chẽ. Giọng văn chủ yếu phải thể hiện tính nghiêm túc, thành kính.

Kết cấu của bài văn có thể tóm gọn như sau:

Thời gian? Địa điểm? Ai đứng cúng? Lý do cúng? Cúng những gì? Cúng ai? Khấn cầu điều gì?

Trừ các lễ (tế thần, tế tổ), còn trong các gia đình thì nội dung văn khấn ngắn gọn. Có thể hướng dẫn cho con cháu học thuộc lòng một số văn lễ trọng.

B - Văn lễ thường

I. MẪU VĂN CÚNG GIỖ

Mẫu chung - Khấn bằng âm Hán

Duy!

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đệ... thập... niên, tuế thứ...,... nguyệt, ... nhật...,... tỉnh, ... huyện, ... xã, ... thôn.

Trưởng nam (hoặc tự tôn)... cùng thừa mẫu mệnh, hiệp dữ chư thúc, dữ đồng / bào đệ, tỷ, muội, nội ngoại tử tôn, hôn, tế đẳng / toàn gia kính bái.

Kim nhân: Hiên khảo (tỷ) hoặc Tổ khảo (tỷ) hoặc Tằng Tổ khảo (tỷ)... hỷ nhật.

Cẩn dĩ: ... chi nghi, cung trần bạc lễ.

Hiên: ... tôn linh vị tiền, cảm kiên cáo vu:

Viết: ... (theo nội dung từng lễ)

Kính thỉnh: Hiên:

Hiên:

Hiên:

Kính kỵ: ... liệt vị chư tiên linh, cập phụ vị, thưng vong đẳng tông tự, đồng lai hâm hưởng.

Kính cáo: Bản gia Đông trù Tư mệnh Táo phủ thần quân, bản gia tiên thánh, tiên sư, bản viên thổ công, bản đường ngũ tự tôn thần, mặc thùy chiếu giám, đồng lai giám cách, tích chi hanh cát.

Cẩn cáo

- CÚNG GIỖ -

Mẫu chung - Khấn bằng tiếng Việt

Hôm nay!

Ngày... tháng... năm... tức là năm thứ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tại: thôn... xã... huyện... tỉnh...

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là... vâng theo lệnh mẫu thân và các chú, cùng với anh rể, chị gái và các em trai gái dâu rể con cháu nội ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày giỗ của... đã tới (hoặc sắp tới) gọi là theo nghi lễ cổ truyền, có kính cẩn sắm các thứ lễ vật gồm:...

Kính dâng lễ mọn biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của: Hiên... chân linh.

Xin kính cẩn trình thưa rằng:...

(theo nội dung từng lễ)

Xin kính mời: Hiên:

Hiên:

Hiên:

...

Cùng các vị tiên linh tổ bá, tổ thúc, tổ cô và các vong linh phụ thờ theo tiên tổ cùng về hâm hưởng.

Kính cáo: Liệt vị tôn thần: Táo quân, thổ công, thánh sư, tiên sư, ngũ tự gia thần cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự yên lành tốt đẹp.

Cẩn cáo.

HƯỚNG DẪN LẬP MẪU VĂN CÚNG GIỖ

Văn chữ Hán hầu hết mở đầu bằng chữ "Duy".

"Duy" đặt trước niên hiệu: năm, tháng, rồi mới đến ngày. "Duy" chỉ đặt trước niên hiệu văn cúng. "Duy" đứng riêng không có nghĩa. Tiếp đến địa điểm hành lễ: Tỉnh, huyện trước, xã và thôn sau. Con cháu cúng lễ ông bà cha mẹ, khi sinh thời đồng cư, thì không cần địa danh. Tiếp đến người chủ lễ tự xưng danh là: cô tử (nếu mồ côi bố), ai tử (nếu mồ côi mẹ), cô ai tử (nếu mồ côi cả bố lẫn mẹ), trưởng nam (con trai trưởng - trong phần lễ thường), tự tôn (cháu đích tôn - trong trường hợp con trai trưởng đã mất thì cháu trưởng đứng chủ lễ, không phải chú hai, chú ba, dấu rằng cháu còn nhỏ tuổi, chửa biết cúng lễ cũng phải nhân danh cháu mà khấn), tăng tôn (chất cúng cụ), huyền tôn (chú cúng kỵ hay can), viễn tôn hay hậu duệ tôn (cháu xa đời tự xưng với tiên tổ), trưởng tộc hay trưởng chi (trong lễ tổ), tín chủ (trong lễ gia thần), tang chủ (lễ gia thần trong phần lễ tang). Nếu mẹ người chủ lễ còn sống thì đọc "cung thừa mẫu mệnh", nếu cháu đích tôn cúng ông bà, mà các chú còn sống thì đọc thêm "cung thừa chư thúc mệnh" - nếu chủ lễ là người cao nhất trong gia đình thì bỏ đoạn đó, đọc tiếp: hiệp dữ bào đệ tị muội nội ngoại tử tôn hôn tể (con, cháu, dâu, rể).

Tu nhân (hoặc kim vị hoặc tư thích)... chi tiết (hoặc húy nhật): nay nhân ngày lễ tết:... (xem bản ghi ngày lễ

ngày tết bằng âm Hán điền vào) hoặc ngày giỗ của ai thì điền vào trước chữ "húy nhật".

"Cẩn dĩ: ... chi nghi", cung trần phỉ lễ (bạc lễ): kính cẩn sắm các lễ vật gồm: Hương đăng (hương đèn nến), trà tửu (chè rượu), phù lưu (trầu cau), phù tửu (trầu rượu), quả phẩm (hoa quả), kim ngân minh y (vàng mã), hàn âm (gà), trư nhục (thịt lợn), ngư nhục (thịt bò), lý ngư (cá chép), tư thành (xôi), tinh quả (bánh trái), điều soạn thú tu (cổ bàn các thú), trai bàn (cổ chay). Tiếp đến kính cáo, kính thỉnh, kính kỵ... (kính cáo, kính mời, kính mời thêm).

Hiển: ... vị tiên (mộ tiên, tọa tiên): Trước linh vị (mộ, linh tọa) của... ("Hiển" là từ tôn xưng tổ tiên, ông bà, cha mẹ đã khuất, hoặc những vị có uy vọng đặc biệt).

Tiếp sau đó dùng chữ "Viết" (thưa rằng) hoặc các cụm từ như: "Cung duy" (trộm nghĩ rằng); "Cảm kiên", "Cảm cung" hoặc "Cảm minh cáo vu" (kính cẩn thưa rằng), "Cung văn" (trộm nghe).

Tiếp đến "Kính cáo" (đối với gia thần), "Kính thỉnh" (kính mời đối với gia tiên bậc cao) và "Kính kỵ" (kính mời thêm, đối với gia tiên bậc thấp hơn người được cúng giỗ hoặc phụ vị thương vong).

Kết thúc bài văn khấn thường dùng chữ: "Cẩn cáo" hay "Thượng hưởng" hay "Phục duy Thượng hưởng".

CÁCH LẬP LINH VỊ

Xem Mẫu linh vị trang cuối sách

(Mẫu này có thể khắc trên gỗ dổi, vàng tâm, mít, gỗ v.v.. hoặc dán giấy màu vàng, màu đỏ, nếu thờ gia tiên chưa hết tang thì dùng giấy màu xanh, màu trắng.

Nội dung:

Hiển: Khảo (cha) tỷ (mẹ) tổ khảo (ông), tổ tỷ (bà) tăng tổ khảo hoặc tỷ: cụ. Cao tổ khảo hoặc tỷ: kỵ (can) Tiên tổ khảo hoặc tỷ: bậc trên kỵ (can) tại nhà thờ tổ.

Tiền tước: Đậu đạt, chúc vụ địa vị và tước phong khi còn sống.

Hưởng thọ: Lục, thất, bát hoặc cửu tuần (60, 70, 80 hoặc 90)

Tên húy: Tên chính

Tên Thụy: Người có chức tước được triều đình ban tên Thụy.

Tên hiệu: Tên hèm đặt khi chết, hoặc biệt hiệu khi còn sống.

Tên tự: Tên chữ tự đặt khi học hành hoặc sau khi đậu đạt.

Nếu là Tỷ (mẹ, bà hoặc cụ bà) thì tiền tước ghi theo tiền tước của cha, ông hoặc cụ ông, tiếp sau đó ghi Lê, Nguyễn, Trần, Phạm v.v... công chính thất, kế thất,... thì hạng nhất, nhì, tam v.v... cuối cùng đề phu nhân hoặc nhũ nhân linh vị.

Nếu không có chức tước địa vị gì thì đề 2 chữ cuối "Chân linh"

Theo phong tục: Tổng số chữ phải chia hết cho 4, hoặc chia 4 dư 3, kiêng dư 1, dư hai (quý, cóc, linh, thỉnh: đếm từ đầu đến chữ cuối không trùng với chữ quý và cóc).

1/ LỄ CÁO THỜ THẦN, LONG MẠCH (trước khi cúng giỗ)

a) Cáo tảo quân, thổ thần ở nhà riêng hoặc từ đường (Nếu chung một bàn thờ thì theo mẫu chung).

Dưới đây là mẫu văn khấn yết cáo gia thần ở bàn thờ riêng:

Duy!

Niên hiệu:...

Tỉnh, huyện, xã, thôn:...

Tín chủ:... (tên người chủ lễ).

Kim nhân: Hiển khảo (hiển tỷ, hiển tổ khảo, tổ tỷ... đọc linh vị người được cúng giỗ) húy nhật lai lâm,

Cẩn dĩ: hương đăng, trầm trà, phù tửu, quả phẩm, đẳng vật chi nghi.

Liệt vị tôn thần tọa tiền, cảm kiên cáo vu:

Kính cáo: Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, bản gia tiên sư, tiên thánh, bản viên thổ công, bản đường ngũ tự liệt vị tôn thần mặc thù chiếu giám, tích chí khang thái. Nguyên tỵ xí bản đường chu tiên linh, cập phụ vị thương vong tông tư đồng lai hâm hưởng.

Cẩn cáo

Chú thích: Bài này là văn cung lễ, cáo với thần linh trước lễ giỗ gia tiên, có thể khấn miệng, không cần viết thành văn đọc, có thể khấn theo âm Hán như trên.

Nội dung đại thể và trình tự đều thống nhất, nhưng cách

hành văn tùy từng địa phương, các vị tiên nho hướng dẫn cho con cháu có khác nhau chút ít.

Hoặc gia chủ cũng có thể khấn nôm như đại ý sau:

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tín chủ là (Nguyễn Văn X) ở thôn, xã, huyện, tỉnh... nhân hôm nay (nếu đọc khấn trong lễ tiên thường thì đọc: "nhân sáng ngày mai") là ngày giỗ của Hiển khảo (hay tỷ v.v... đọc linh vị người được **cúng** giỗ), tuân theo nghi lễ kính dâng lễ vật...

Trước án tọa các vị tôn thần, xin thành kính trình thưa:

Kính cáo: Bản gia... Tôn thần (như trên) chiếu giám, phù hộ cho toàn gia yên vui mạnh khỏe, cho phép các tiên linh và những vong hồn được thờ phụng cùng về hưởng lễ.

Cẩn cáo

b) Cáo âm phần long mạch, sơn thần, thổ phủ

(Văn khấn thần đất, thần núi ở nghĩa trang)

Một số gia đình, địa phương có tục lệ: con cháu ra thấp hương ngoài mộ, trước một ngày và khấn vái thần giữ mộ, để mời vong linh về lễ giỗ.

Gia chủ nên khấn nôm, đơn giản, nội dung tương tự như bài trên.

Bài dưới đây chỉ nên dùng để đọc trong trường hợp con cháu chết và thông gia, họ hàng tề tựu đông trước mộ tổ, hoặc trong các ngày lễ chạp, thanh minh, giỗ tổ, sửa mộ, xây mộ v.v...

Duy!

Niên hiệu... Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Nguyễn (hoặc Lê, Phan...) đường, tộc trưởng (hoặc

chi trưởng).

Nguyễn Văn X đồng tộc đẳng.

Tại Hiền... (đọc linh vị vong linh táng tại mộ đó) mộ tiên. Viết:

Tiên linh u trạch u bản xứ chi nguyên.

Thích tư nhân (Thanh minh chi tiết, hoặc Nguyên đán chi tiết, hoặc tiên linh húy nhật hoặc thanh tảo chi lễ v.v...)

Cẩn dĩ: Hương đăng, phù tửu, đẳng vật chi nghi. Kiền thành tạ lễ.

Phúc vọng:

Tôn thần đức đại, tải phụ công thâm, bảo hữu tỷ vong linh yên ổn, đồng tộc khang ninh, quân triêm phúc khánh, thực lại tôn thần, âm phù chi lực - đã.

Kính dĩ: Thổ công, Thổ phủ, tiên Chu tước, hậu Huyền vũ, tả Thanh long, hữu Bạch hổ, liệt vị chư thần, đồng lai hâm cách.

Cẩn cáo

Chú giải: Bài này có những từ ngữ như Thổ công, Thổ phủ, tiên Chu tước, hậu Huyền vũ, tả Thanh long, hữu Bạch hổ là những thuật ngữ trong thuật Phong thủy (tức Địa lý) ngày xưa.

Xin dịch đại ý như sau để các gia đình tùy nghi vận dụng: Họ (hoặc chi họ)... chúng tôi có ngôi mộ của ... táng tại xứ này, nay nhân ngày giỗ (hoặc ngày lễ thanh minh, nguyên đán v.v... hoặc ngày tảo mộ, đắp mộ, xây mộ v.v...) xin kính cáo long thần thổ địa phù hộ cho vong linh yên ổn, cả họ mạnh khỏe, an ninh, đều được nhuần gội ơn phúc thần.

2/ LỄ TIÊN THƯỜNG (cúng trước ngày giỗ, thường
cúng vào chiều hôm trước)

Âm Hán

(tiếp mẫu văn cúng giỗ)

... Cảm kiên cáo vu: Viết:

Tuế tự lưu dịch / lai nhật hỷ lâm / Truy viễn cảm thần
/ Bất thăng vĩnh mộ / Cung trần phi lễ / Tinh sảng hữu
thành / Thúc biểu hiếu tâm / Ngưỡng duy lai hân.

Cẩn cáo

Tiếng Việt

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn thưa rằng:

Kính lạy tiên linh.

Ngày mai hỷ kỵ, hôm nay sửa lễ, cúng trước một ngày,
tục gọi xưa nay, tiên thường tiên cáo, tỏ lòng hiếu thảo,
báo đáp công ơn, thác cũng như còn, kính thành phụng
sự, âm thầm thương nhớ, biết thuở nào người.

Cẩn cáo

Chú ý: chỉ những giỗ trọng như giỗ cha, mẹ, ông, bà mới có
lễ tiên thường. Cáo gia thần chỉ cúng một lần.

3/ LỄ CHÍNH KỶ (hay hỷ nhật tức ngày giỗ chính)

Âm Hán

Giống như trên, chỉ đổi "lai nhật hỷ lâm" thành: "hỷ
nhật phục lâm"

CHA - ME

Giỗ cha mẹ sau đại tường (từ năm thứ ba)

Tiếng Việt

Bài 1:

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than ôi! Phụ thân (hoặc mẫu thân), vắng xa trần thế,
chẳng thấy dung âm. Năm qua tháng lại, vừa ngày hỷ
lâm. Ôn vọng cực/xem bằng trời lớn/Nghĩa tư thân / xót
nghĩ tình thâm.

Nhân ngày giỗ kính dâng lễ mọn,

Tỏ lòng thành đốt nén hương trầm.

Nguyện tiên linh độ trì dương thế,

Nguyện vong hồn siêu thoát cõi âm.

Thượng hưởng

Bài 2 :

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than rằng: giữa cõi trần ai; mấy lần dâu bể.

Nhớ xưa: nền đức vun dày; nghĩa nhà lập đế.

Trăm năm con cháu những thương hoài;

Muôn nỗi công ơn khôn xiết kể.

Tùng trái đông qua xuân lại, ngày kỵ tới rày;

Gọi rằng lễ bạc lòng thành, thường nghi kính tế.

Hồi ôi xin hưởng.

Bài 3:

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than ôi! Tháng lại ngày qua, thì giờ thấm thoát. Chúng con khao khát, nhớ lúc hãy còn. Công đức tày non, tóc tơ chưa hề báo đáp. Nhân ngày giỗ chạp, tiên linh soi thấu nỗi niềm. Nhớ buổi trước thềm, nhớ người tựa cửa. Nghìn thu hương lửa, khỏi tui đàn con. Giải tỏ lòng son, cúi xin chúng giám./.

Thượng hưởng

Bài 4 (cúng mẹ)

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Tháng lại ngày qua, nay lại đến ngày giỗ mẹ. Nghĩ đến công ơn trời bể, mang nặng đẻ đau, ngày đêm nâng niu bú mớm, tối sớm chăm lo. Gia đường việc nhỏ việc to, quên ăn quên ngủ. Trông nom dạy dỗ, mong sao con cháu thảo hiền. Công ơn ấy chưa chút báo đền, xót xa thương nhớ.

Nay nhân ngày giỗ, kính dâng lễ bạc biểu lộ tấc thành. Hương hồn mẹ anh linh, cúi xin chúng giám. Phù hộ cho con cháu an ninh.

Thượng hưởng.

ÔNG BÀ - CỤ - KỶ

Bài 5: (Cháu cúng cô dì, chú bác, ông bà, cụ kỵ...)

Tiếp mẫu văn cúng giỗ

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Tháng lại ngày qua, thì giờ thấm thoát.

Vừa tuần húy nhật, kính cáo tiên linh.

Biểu lộ tấc thành, tỏ lòng sau trước.

Kính dâng lễ bạc, bát nước nén hương.

Cách biệt âm dương, cúi xin thấu tỏ.

Cầu tiên linh phù hộ, cho cháu chất yên lành

Được toàn gia Khang Ninh. Nguyên tôn thần chúng giám.

Cẩn cáo

4/ VĂN TẾ TIÊN TỔ (Tế tiên tổ văn) (toàn bài)

(Theo tục lệ trên năm đời tổ tông giỗ, hàng năm cả đại tôn hoặc từng chi tập trung làm lễ tổ hoặc xuân tế)

Âm Hán

Duy!

Niên hiệu:

Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Nguyễn (hoặc Lê, Trần...) đường đại tộc (hoặc tiểu chi X) hậu duệ tôn, hiệp dữ chư vị thúc phụ, kỳ lão, cập nội ngoại / tử tôn / hôn tế / đồng tộc đẳng / cảm kiên cáo vu:

Tư nhân: thủy tổ (hoặc bản từ đường tiên tổ) húy kỵ nhật, (hoặc tân niên bản đường xuân tế).

Cẩn dĩ: hương đăng, phù tửu, quả phẩm, hàn âm, tu thành, tru nhục... đẳng vật chi nghi, cung trần bạc tế.

Hiển... vị tiên (nếu Xuân tế thì đọc linh vị của tất cả các vị được liệt thờ trong từ đường, nếu kỵ nhật (ngày giỗ) thì đọc linh vị của vị được giỗ. Kính thỉnh vị cao nhất và sau đó gói gọn một câu: liệt vị chư tiên linh vị tiên).

Viết: Mỗi họ có một bài riêng nhằm ca ngợi công đức tổ tiên, gây niềm tự hào cho con cháu và cầu chúc khấn nguyện v.v... Dưới đây xin giới thiệu một bài làm mẫu (văn = anh, linh)

Cung văn!

Ấm phương tuyên / tu tri tỉnh xuất; Nhụ hương đạo / yếu thức điền sinh //

Nhân cư / thiên địa chi gian, chiếu nhiên giá lý;

Thế trọng / tổ tiên chi báo, bản xuất vu tình.

Cung duy: Tiên linh!

Ân cần thế nghiệp, trung hậu gia thanh.

Di quyết / Tôn mưu yển dục, trường lưu / u phong kỷ;
// Thích tu / Lạc thổ hạc cao, cứu luyện u trà hình // Thiết
tu / mộc bản đồng căn / kha diệp / trùng khan sủng mậu;

Cảm dụng / Lễ nghi tận vật // phi phong / thức ngu
tinh thành //

Dục cầu / bảo an u miếu duệ //

Tu bằng / cảm cách u tiên linh.

Tu nhân / Tổ huy (hoặc xuân tế) / Đồng tộc phụng

ngheh. Cung trần phi lễ // Mặc ngụ đan thành.

Tiếng Việt

Hôm nay! Ngày... tháng... năm...

Hậu duệ tôn là: ... tộc trưởng họ... (hay trưởng chi họ)
hội cùng các ông, các chú, các bậc kỳ lão trong họ, cùng
với dâu rể con cháu nội ngoại, kính cẩn quỳ tâu:

Nay nhân ngày... vâng theo lệ cổ, sắm các lễ vật gồm...

Trước linh vị của: Hiển... (đọc theo linh vị của vị được
tế cao nhất trong từ đường, hoặc nếu là xuân tế thì đọc
linh vị tất cả tiên tổ được liệt thờ) và liệt vị tiên linh.

Trộm nghĩ rằng:

Hưởng gạo thơm / cần nhớ / công lam lũ //

Uống nước ngon / phải tìm / giếng trong xanh //

Người sinh / hưởng khí đất trời // chung quy / cùng đạo
lý //

Đòi trọng / báo ơn tiên tổ // xuất phát / tự tâm tình //

Kính nghĩ: Tiên linh ta!

Kiệm cần / gây cơ nghiệp // Trung hậu / giữ gia thanh //

Qua cuộc biển dâu // đầm sương giải gió //

Vững tay chèo lái / vượt thác băng ghềnh //

Đòi càng / vững cây / bền gốc //

Ngày thêm / thắm lá / tươi cành //

Con cháu nhiều bề tiến bộ // Tổ tiên muôn thuở hiển
vinh //

Nhân ngày giỗ tổ, ngưỡng mộ tôn linh //

Dâng bày lễ nhỏ, giải tỏ lòng thành //

Ngưỡng vọng tổ tiên / ban phúc ấm //

Độ trì con cháu / được yên lành //

Kính mời các vị tiên linh phối tế, và tầng tầng lớp lớp con cháu thương vong, theo gót tổ tông, cùng về hâm hưởng.

Kính cáo Táo quân, thổ thần, long mạch chiếu giám.

Cẩn cáo

II - VĂN CÚNG TRONG CÁC NGÀY LỄ TIẾT

1/ CÁC NGÀY LỄ TIẾT NÀY LÀ:

1- Trừ tịch hay tuế trừ: 30 tết

2- Giao thừa: 0 giờ 1/1

3- Nguyên đán: mồng một Tết

4- Nguyên tiêu hay khai hạ: 7 tháng giêng

5- Thượng nguyên: 15 tháng giêng

6- Thanh minh, thanh tảo: lễ tảo mộ ngày Tiết thanh minh

7- Hàn thực: 3 tháng 3

8- Phật đản: 8 tháng 4

9- Đoan dương, đoan ngọ: 5 tháng 5

10- Trung nguyên hay Vu Lan: 15 tháng 7

11- Trung thu: 15 tháng 8

12- Trọng xuân: ngày Đinh tháng 2

13- Trọng thu: ngày Đinh tháng 8

14- Trùng cửu: 9 tháng 9

15- Song thập: 10 tháng 10

16- Hạ nguyên: 15 tháng 12

17- Lạp tiết: lễ chạp (*Trung tuần hạ tuần tháng chạp*)

18- Táo thần: 23 tháng chạp

19- Sóc: ngày mồng một hàng tháng

20- Vọng: ngày rằm hàng tháng

2/ PHẦN MỞ ĐẦU CHUNG CHO BÀI VĂN KHẤN TRONG CÁC NGÀY LỄ

(Đối với bàn thờ thờ chung cả gia thần và gia tiên thì khấn gia thần trước, gia tiên sau. Nếu thờ gia thần ở bàn thờ riêng thì tách riêng ra hoặc thấp hương trước, rồi khấn chung một lượt ở gian chính thờ gia tiên).

(Xem mẫu trang sau)

MẪU VĂN CÚNG NGÀY LỄ TIẾT

Khấn bằng âm Hán

Duy!

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đệ tứ thập...
niên, tuế thứ...,... nguyệt, ... nhật
... tỉnh, ... huyện, ... xã, ... thôn.

Tín chủ: ... cung thừa mẫu mệnh cấp chut thúc
mệnh, hiệp dữ bào đệ, ty muội, nội, ngoại, tử, tôn,
hôn, tế đẳng đồng gia kính bái.

Tư nhân... chi tiết.

Cẩn dĩ: ... đẳng vật chi nghi, cung trần bạc tế.

Kính thỉnh: Bản gia đông trù tư mệnh táo phủ
thần quân, bản đường tiên thánh, tiên sư, bản viên
thổ công, bản gia ngũ tự tôn thần đồng lai giám cách.

Kính thỉnh:

Hiển:

Hiển:

Hiển:

...

Liệt vị chut tiên linh

Kính ky: tổ bá, tổ thúc, tổ cô, cấp chut phụ vị,
thương vong tông tự, đồng lai hâm hưởng.

Tọa tiền viết: ... (theo nội dung từng lễ)

Chú ý: Các gia đình nên tham khảo bài "Hướng dẫn lập mẫu văn cúng giỗ"
trang 18, diễn sẵn, trước khi hành lễ. Nếu thờ gia thần riêng, thì tách riêng ra:
Thờ gia thần đọc từ đầu đến hết đồng lai hâm hưởng rồi đến Tọa tiền, viết:

Khấn bằng tiếng Việt

Hôm nay!

Ngày... tháng... năm...

Tức là năm thứ bốn mươi... Cộng hòa xã hội chủ
nghĩa Việt Nam.

Tại: thôn... xã... huyện... tỉnh...

Tín chủ là:... vâng lệnh mẹ và các chú, cùng với
chị ruột anh rể và các em trai gái dâu rể con cháu
nội ngoại toàn gia kính bái.

Nay nhân ngày lễ:

Kính cẩn sắm một lễ gồm: ... gọi là lễ mọn lòng
thành, kính dâng lên:

Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, bản gia
tiên sư, bản viên thổ công, liệt vị tôn thần.

Trước linh tọa các vị gia thần.

Trước linh vị của:

Hiển:

Hiển:

Hiển:

...

Và các vị tổ bá, tổ thúc, tổ cô, cùng các vong linh
phụ thờ theo tiên tổ.

Kính cẩn thưa rằng:... (theo nội dung từng lễ)

1/ LỄ CHẠP (Tạ long mạch, rước gia tiên về nhà hoặc về từ đường)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Mộ tiền viết: (nếu khấn ở mộ)

Tuế trừ đông lập - tiết chí nguyên dương - cung nghênh tiên tổ - lai nghê từ đường - Triều tịch phụng sự - Trò đậu hình hương - Nguyên kỳ thỏa hữu - Tích dĩ khang cường - Thiên thu tuế luật - Bách phúc tuy tương.

Cẩn cáo

Tiếng Việt

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

Trước linh tọa (hoặc trước linh mộ) kính cẩn thưa rằng:
Năm cũ sắp hết, ngày Tết tới gần, chuẩn bị mừng xuân.

Kính cáo: táo phủ thần quân, ngũ tự gia thần

Kính mời: gia đường tiên linh khảo tử, bá thúc huynh đệ, cô di tỵ muội, nội ngoại chân linh, về với gia đình, để cháu con phụng sự.

Xuân về hoa nở, rạng rỡ từ đường.

Cách trở âm dương, bát nước nén hương,

Kính mong tinh linh giám hưởng.

Cẩn cáo

2/ LỄ TRỪ TỊCH: (Tuế trừ) *CHỖ 30 TẾT*

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiền, viết:

Nhật nguyệt lưu mai, hốt trị tuế trừ, truy viễn chi tu, đối thời tăng cảm.

Cẩn dĩ điều soạn, trở đậu thứ tu, quả phẩm tửu phù. Kính trần bạc lễ.

Tôn linh tại thượng Phục khát giám hâm. Bảo hữu hậu nhân. Vĩnh miên thế trạch

Thượng hưởng

→ **Tiếng Việt** *30 TẾT*

Bài 1:

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Kính cẩn thưa rằng.

Vật đổi sao dời - Năm cùng tháng kiệt - Xuân tiết gần sang - Đông tàn sắp hết - Chiều ba mươi Tết - Sửa lễ tất niên - Truy niệm tổ tiên - Theo như thường lệ - Tuế trừ cáo tế - Lễ bạc kính dâng - Phù tửu hương dâng - Lễ nghi cụ soạn -

Lạy xin tiên linh chứng giám - Phù hộ toàn gia - Lớn bé trẻ già - Bình yên khang thái

Cẩn cáo

Bài 2 (Con cúng cha mẹ)

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Kính cẩn thưa rằng

Ngày qua tháng lại / thấm thoát / tựa thoi đưa //

Lá rụng hoa rơi / âm thầm / theo gió thổi //

Tưởng nhớ những / năm xưa dưới gối //

Mơ màng bao / sớm tối sum vầy //

Tiếc thay! Bấy lâu nay! Hạc lánh / mây bay // Ác tà /
thò lặn // Tưởng đến / tình sâu nghĩa nặng // khác nào /
trời thăm đất dày //. Nhân / tất niên / đến ngày //, Lễ tuế
trừ / gặp buổi //. Kính dâng / lưng cơm đĩa muối // đồ tui
lòng này // Trước ận đặt bày / xin người chứng giám //

Thượng hưởng

3/ LỄ GIAO THỪA

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiên, viết:

Tu duy: Bạo trúc nhất thanh, / Trừ cữu / đào phù vạn
tượng //. Giao thừa thích trị /, bạc lễ cung trần // phục
duy linh đức // Bào ngã hậu nhân // Vinh tích khang thái
//, Hiếu tự tất phân //

Cẩn cáo

→ Tiếng Việt

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Kính cẩn thưa rằng

Phút thiêng liêng giao thừa vừa tới,

Pháo vang lừng đón buổi đầu xuân

Cầu mong vạn tượng canh tân,

Tam dương khai thái, cung trần lễ nghi.

Nguyện Tôn thần phù trì bảo hộ,

Cầu anh linh tiên tổ lưu ân.

Ban cho con cháu hạ trần

An ninh khang thái, muôn phần tốt tươi.

Thiều quang chiếu dọi sáng ngời.

Cẩn cáo

4/ LỄ NGUYÊN ĐÁN (Sáng mùng một tết)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiên, viết:

Tuế luật phương tân - Đối thời tăng cảm - Truy viễn
chi tu - Cẩn dĩ thú tu - Liêu thả xuân bàn chi hiến.

Cung duy

- Tam dương khai thái - vạn tượng canh tân - Phù thủ /
lý đoan chi thủy - Kiền thân / bá hạ chi thâm - Phục khất
giám hâm - Phục duy thượng hưởng - Tôn linh tại thượng
- bảo hữu hậu nhân - vĩnh miên thế trạch .

Cẩn cáo

→ Tiếng Việt

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Kính cẩn thưa rằng

Nay theo tuế luật - Mồng một đầu xuân - Mưa móc thấm nhuần - Đón mừng nguyên đán - Cháu con tưởng niệm - nội ngoại tổ tiên - Kính cẩn dâng lên - Lễ nghi vật phẩm - Cúi xin chứng giám - Biểu lộ lòng thành - Thịnh cáo tiên linh - Cùng về hâm hưởng - Tồn linh tại thượng - phù hộ độ trì - Năm mới mọi bề - yên vui khang thái.

Cẩn cáo

LỄ NGUYÊN ĐÁN (yết cáo linh thần ở đình miếu)
(toàn bài)

Âm Hán

Duy!

Niên hiệu:

Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Tín chủ:

Cẩn dĩ: hương đăng phù tửu quả phẩm chi nghi cung trần bạc lễ.

Tư nhân: Nghênh xuân giai tiết

(Đọc linh vị các tôn thần được liệt thờ ở Đình miếu)

Liệt vị tôn thần tọa tiền, cảm kiên cáo vu

Cung duy: Tôn thần!

Đại đức phổ thi - Hùng mưu anh đoán -

Phỉ đoan / vị chính, nguy nguy

- Cao xuất / tầm thường vạn vạn.

Tiết thích tân niên, Lễ trần chính đán.

Nguyện giám đàn thâm - Ty kỳ ninh án.

Phụng lai / hàm lạc cát hanh, - Đoái duyệt / tư đào hòa điển..

Phục vọng giám lâm - Quyết phúc phong kiện -

Thực lại: Tôn thân / chỉ bảo hộ.

Cẩn cáo

Tiếng Việt (dịch từ đoạn "Cung duy... Cẩn cáo")

... Trộm nghĩ: Tôn thần!

Hào khí sáng ngời - Đức ân rộng lớn -

Ngôi cao vạn trượng uy nghi - Vị chính mười phương biến hiện.

Nhân buổi đầu xuân - Lễ dâng Nguyên đán.

Cúi xin giải tỏ lòng trần - Cầu được hộ trì ý nguyện.

Người người hoan hỉ ninh xương - Nhà nhà cát tường khang kiện

Đội ơn Đương cảnh thành hoàng - Đội đức Tôn thần linh hiển.

Gia lộc, gia ân - Trừ tai, trừ biến.

Cẩn cáo.

5/ LỄ TẠ (lễ hóa vàng, kết thúc lễ Tết, theo tục từng địa phương vào ngày 2, 3, 4 hoặc 7 v.v...)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiền, viết:

Tịch điền dĩ mãn - Tạ lễ cù trình - Chủ vị nạp tàng - Kim ngân thiêu hóa - Nguyên kỳ yên thỏa - Hồi khứ âm cung - lưu phúc lưu ân - Tỷ chi dĩ an dĩ lạc - Khánh điển nhi tôn.

Cẩn cáo.

Tiếng Việt:

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

Trước án tọa... Kính cẩn thưa rằng:

Tiệc xuân đã mãn - Lễ tạ kính trình - Rước tiền tiên linh - Lại về âm giới - Buổi đầu năm mới - Toàn gia mong đợi - Lưu phúc lưu ân - Kính cáo tôn thần - Phù trì phù hộ - Dương cơ âm mộ - mọi chỗ tốt lành - Con cháu an ninh - Vận hành khang thái.

Cẩn cáo.

6/ LỄ THUỘC NGUYÊN (rằm tháng giêng) (toàn bài)

Tiếng Việt

Hôm nay, ngày rằm tháng giêng, năm...

Thái tuế ...

Gia chủ là... cùng vợ con cháu chất cả nhà

Xin kính cáo:

Nhật cung Thái dương thiên tử tinh quân,
Nguyệt cung Thái âm Hoàng hậu tinh quân,
Nam tào Bắc đẩu tinh quân,
Thái bạch Thái tuế tinh quân,
Bắc cực Tử vi đại đức tinh quân,
Văn xương Văn khúc tinh quân,
Nhị thập bát tú, Ngũ hành tinh quân,
La hầu, Kế đô tinh quân,
Trước án tọa liệt vị tinh quân xin kính cáo:

Đầu xuân xuân thủ, Kính theo lễ cũ, gia đình sắm đủ, mọi thứ lễ nghi, Trần tục vô tri, Tinh quân soi xét. Gia đình thanh khiết, phúc trạch tự trời, Vận hạn tới lui, Ngài xui khiến cả, Khắp trong thiên hạ, Phúc họa cũng nhiều. Vay dăm nài kêu, Tùy phương chế biến, Mở lòng trời biển, Độ kẻ sinh linh, Thấu nỗi ngu tình, Trừ tai, giải hạn. Đèn trời sáng lạn, Chiếu khắp cõi trần, Xin các tinh quân, Lưu ân lưu phúc. Lễ tuy bất túc, Tâm kính hữu dư. Mệnh vị an cư, Thân cung khang thái.

Cẩn cáo.

7/ LỄ THANH MINH (theo ngày tiết thanh minh tháng 3) (ngày 4 hoặc 5 tháng 4 dương lịch)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... tọa tiền viết:

Xuân nhật tối hảo - Tiết đào thanh minh - Cung trần

lễ số - Nguyễn giám đàn thành - Chư hưng tổng khú -
Bách phúc sùng thành.

Cẩn cáo

Lễ tảo mộ trong tiết thanh minh. (Tảo mộ gia tiên:
các gia đình xem mục lễ giỗ tạ long mạch - Bài này chỉ
dùng trong trường hợp cháu chắt họ hàng tề tựu đông ở
mộ tổ)

Âm Hán (toàn bài)

Duy! Niên hiệu... Tộc trưởng: ... Hiển Tiên tổ...

Mộ tiền, viết:

Bản chi / hữu tiên tổ: Tiên tước ... Tính (họ)... Húy...
chi chân linh, cát táng u thử. Tư nhân: Thanh minh giai
tiết, tỉnh tảo mộ phần, Bái tạ long mạch, kỳ yên.

Cẩn cáo lễ đã:

Cung duy: Tôn thần!

Cao sơn dục tú - Tổ địa sử anh - Cẩn khôn tạo thiết
- Sơn thủy hữu tình. - Ưc tích bản tổ - Tàng thử tiềm linh
- Tầng kinh thế đại - Vĩnh bảo phần hoành.

Tin hồ: Lưu phúc địa / đãi phúc nhân // thừa cát tường
/ dĩ ẩm khô cốt //,

Ý đã: Hội âm long / dưỡng âm hướng // Tạ du linh /
dĩ bảo hậu sinh //.

Tư nhân tỉnh tảo - Kiền cụ vi thành - Ngôn niệm tổ
đúc - bái tạ thần linh. - Phục vọng chiếu giám - Tích dĩ
hòa bình.

Tiền nhân / chi thể phách / điện yên // mộ dữ sơn /
nhi tinh thọ //.

Đồng tộc / chi vân nhưng / trường thịnh. // tử nhược
tôn hê / vĩnh ninh //.

Thủ / nhược xuất u / dân nguyện; // Thực / đa lại hồ /
tôn linh //.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa bài văn trên: (dịch đại ý)

Ngày... Tộc trưởng họ... tên là...

Đứng trước mộ của... Kính thưa rằng: Chi họ chúng
tôi có vị tiên tổ: Họ: ... húy: ... Chúc tước lúc sinh thời:
... táng ở đây. Nay nhân tiết thuộc Thanh minh, lễ là tảo
mộ. Xin bái tạ Long mạch cầu yên.

Cúi nghĩ: Tôn thần!

Núi cao tụ hồi tú khí, đất lành hun đúc tinh anh.

Đất trời tạo dựng, sông núi hữu tình.

Nhớ xưa / cụ tổ họ mình /, hài cốt thơm / an táng đất
lành, // Trải qua / bao nhiêu thế đại/, mà mồ còn / bảo
đảm an ninh //.

Ý hân: Thần hội rồng /, nuôi hướng phần âm /, bảo
toàn khô cốt; //

Trời dành đất /, đãi người có phúc /, bồi dưỡng hậu
sinh //.

Nay nhân lễ tảo mộ, con cháu kính cẩn nghiêng mình,
Mặc niệm tiên tổ, bái tạ thần minh // Cúi mong chúng

giám. Được hưởng hòa bình /

Cầu tổ tiên / phách thể bình yên / mộ vững bền / nhu
núi non hùng vĩ /

Nhờ long thần / hồng ân gìn giữ / phúc di lưu / cho con
cháu khang ninh.

Cẩn cáo

8/ LỄ ĐOAN NGỌ (5 tháng 5)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiền, viết:

Hạ thiên tiết thuộc - Đoan ngo phục lâm - Cung trần
lễ số - Nguyễn giám đàn thâm - Chu tai tổng khú - bách
phúc trùng lâm.

Cẩn cáo

9/ LỄ TRUNG NGUYÊN (15 tháng 7)

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Tọa tiền, viết:

Trung nguyên lãnh tiết - Đại xá vong linh - Cung trần
phỉ lễ - Thúc biểu vi thành.

Cẩn cáo

Tiếng Việt

(Xem 4 bài "Lễ Trung nguyên" thuộc phần "lễ tang")

10/ LỄ TRỌNG XUÂN, LỄ TRỌNG THU (hay lễ Kỳ yên)

(Lễ này ngày xưa các gia đình góp cỗ bàn tế ở đình
miếu thờ thành hoàng hoặc sơn thần vào ngày Đình (sau
cùng) thuộc tháng 2 hoặc tháng 8 - có địa phương cúng tế
ngày 15 tháng 3, nay nhiều nơi đã bỏ - Ở đây không soạn
thành văn tiếng Việt nữa, chỉ chép lại phần phiên âm chữ
Hán để tham khảo đọc trong các lễ tế ở đình miếu).

Bài 1:

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Cung duy! Tôn thần!

Cần khôn dựng tú - Nhạc độc sù tinh - Dương dương
tại thượng - Trắc trắc quyết linh - Tư thích xuân (thu)
Đình - cần hiến vi thành - Nguyễn giám đàn khốn - Tích
dĩ khang ninh.

Thượng hưởng.

Bài 2

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

... Cung duy! Tôn thần!

Chúc tu phương thổ - Đức trọng khôn duy -
Bảo lễ dân diệc hữu lợi - Thành vạn vật nhi vô di -
Địa hữu chủ giả - nhân giai ngưỡng chi.
Hữu thổ, hữu nhân dân - mỹ hỷ, hữu tận thiện hỷ;
Tại thượng, tại tả hữu - cách ty, bất khả đặc ty.

Tu nhân xuân trọng (hoặc thu trọng) - Cẩn cụ phi nghi.

Nguyện giám đàn khốn - tích dĩ hồng hi

Tý: Đồng áp khang cát - vật loại phồn ti

Thực lại: Tôn thần chi bảo hữu, chi phù trì

Thượng hưởng.

11/ LỄ SÓC (ngày mùng một), LỄ VỌNG (ngày rằm)

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết

Lễ Sốc

Lễ Vọng

Kính cẩn thưa rằng

Kính cẩn thưa rằng

Cúi theo tuế luật

Lễ vọng đêm rằm

Mùng một đến ngày

Đến vận phong đăng

Kính bày lễ sóc...

Ánh trăng vàng vạc...

(Tiếp tục đọc chung cho cả hai lễ)

... Tuân theo lệ tục - Bát nước nén hương - Kính cẩn
lạy dâng - Tôn thần, tiên tổ - Cúi trông phù hộ - Cứu
khổ, trừ tai - Tiến lộc, dâng tài - Gái trai hiếu thảo - Vợ
chồng hòa hảo - Vận đạo hanh thông - Sắc sắc không
không - Âm dữ dương đồng - Dốc lòng cầu khẩn - Cúi
xin soi tận - Ý khẩn, tâm thành - Muôn đời tôn linh
Phục duy! Thượng hưởng.

➔ 12/ LỄ TÁO QUÂN (23 tháng chạp) (toàn bài)

Âm Hán

Duy!

Niên hiệu..., thập nhị nguyệt, nhị thập tam nhật...,...
Tỉnh,... huyện,... xã, ... thôn. Tín chủ ... đồng gia kính bái.

Bản gia Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân Tôn
thần tọa tiền.

Cảm kiến cáo vu:

Tiết thuộc tuế chu - nguyệt lâm lập quý -

Cát khương duy lại hồng hưu - Kính sự tải trần bạc lễ -

Trung tồn bản đốc chí thành - Ngoại súc cảm vân hiến my -

Cảm cách thượng giám đàn thành - Bảo hữu nguyện
thân phúc chỉ -

Nhân nhân đào bảo noãn, nhất môn tăng / viên hách
thịnh danh -

Sự sự tử xỉ xương, toàn gia hữu / huân chung thụy khí.

Kính thỉnh: Bản gia tiên tổ liệt vị chân linh, đồng lai
hâm hưởng.

Cẩn cáo.

➔ Tiếng Việt 23/12

Hôm nay, ngày 23 tháng chạp năm...

Tín chủ là:...

Người thôn... xã... huyện... tỉnh...

Cùng toàn thể gia đình kính bái:

Trước linh tọa của Đông trù tư mệnh Táo phủ thần
quân

Kính cẩn thưa rằng:

Nay cuối mùa đông - tứ quý theo vòng - Hăm ba tháng

chạp - Sửa lễ kính dâng - Hoa quả đèn hương - Xiêm hài
áo mũ - Phòng theo lễ cũ - Ngài là vị chủ - Ngũ tự gia thần
- Soi xét lòng trần - Táo quân chúng giám - Trong năm
sai phạm, các tội lỗi lầm - Cúi xin tôn thần - gia ân châm
chuốc - Ban lộc ban phúc - Phù hộ toàn gia - Trai gái
trẻ già - An ninh khang thái.

Cẩn cáo

13/ LỄ KHẤN CẦU THÁNH MẪU (toàn bài)

Một số gia đình có lập điện thờ Thánh Mẫu (tức Liễu Hạnh thần nữ) thường cúng lễ vào ngày rằm, mồng một, vậy phụ chép bài dưới đây.

Tiếng Việt

Hôm nay, ngày..., tháng..., năm... Tỉnh, phủ, huyện, xã, thôn...

Đệ tử là... cùng cả nhà, trai gái trẻ già, kính cáo:

Thiên thượng Thánh Mẫu, Cửu thiên huyền nữ, Vân Cát thần nữ, Chế thắng Hòa diệu đại vương, Tả hữu tiên cô thị tòng liệt vị.

Nay nhân ngày... đệ tử lòng thành, kính dâng lễ vật... Kính xin Thánh Mẫu chứng tri - Rủ lòng thương xót - Trước sau như một - Đội đức từ bi - Lầm lỗi điều gì - Xin Mẫu đại xá - Hộ cho tất cả - Con cháu khang ninh - Tò đức hiếu sinh - Anh linh Thánh Mẫu - Phù trì phù hộ - Cứu khổ trừ tai - Tiến phúc tăng tài - Xin ngài chứng giám.

Thượng hưởng.

Chí tâm quy mệnh lễ

Bài kinh tụng đức Thánh mẫu (tức Chế Thắng Hòa Diệu đại vương Liễu Hạnh công chúa).

(Đốt hương, hai lạy, chín vái).

Âm Hán

Tây Hồ chung tú,

Nam phổ phi anh.

Nữ trung liệt nữ,

Danh hạ thịnh danh.

Hà y diệu diệu,

Phượng thể khinh khinh.

Mẫu nghi thiên hạ,

Tử dục sinh linh.

Dao dao dĩ viễn,

Lầm lầm như sinh.

Càn khai khôn cái,

Thiên thanh địa ninh.

Công tà vệ chính,

Giáng bút thù kinh.

Văn phong xứ xứ,

Hách hách linh thanh.

Tiếng Việt:

Tây Hồ un đức,

Nam phổ sinh thành.

Nổi danh liệt nữ,
Nổi tiếng trăm anh.
Áo sen phơi phới,
Dáng phượng thanh thanh.
Đức Mẹ cả nước,
Nuôi nấng sinh linh.
Tuy xa vời vợi,
Lắm liệt như sinh.
Trời che đất chở,
Đất rộng trời xanh.
Xua tà đuổi quỷ,
Phù hộ dân lành.
Răn đời dạy bảo,
Giáng bút truyền kinh.
Khắp nơi nức tiếng,
Thánh Mẫu anh linh.

14/ LỄ THƯỜNG TÂN (Lễ cúng cơm gạo mới)

(Chẳng những bắt đầu các vụ gặt hái, dân tộc ta có phong tục soạn bữa cơm đầu tiên cúng lễ gia tiên, mà hoa quả trong vườn thu hái lúa đầu mùa cũng cúng gia tiên trước rồi mới cho gia đình dùng hoặc bán. "Thường tân" nghĩa là nếm thức ăn mới - Đó là một phong tục hay, nhắc nhở người làm con làm cháu nhớ công ơn ông bà cha mẹ, biết đạo nghĩa "ăn quả nhớ kẻ trồng cây").

Âm Hán:

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ tiết:

... Tọa tiền, viết:
Hòa sơ cáo thực,
Kính tiến thường tiên.
Thốn thành hạnh đạt,
Bách phúc trần biên.
Nguyện kỳ thỏa hữu,
Tích di phong niên.
Thượng hưởng.

Tiếng Việt

Trộm nghĩ rằng:

Cây cao bóng mát,
Quả tốt hương bay.
Công tài bồi xưa những ai gây;
Của quý hóa nay con cháu hưởng.
Nhờ trước Tổ tiên gây dựng, kể công
tân khổ biết là bao?
Đến nay con cháu dồi dào, hưởng miếng
trần cam còn nhớ mãi.
Nay nhân mùa gặt hái;
Gánh nếp tẻ đầu mùa
Nghĩ đến ơn xưa
Cày bừa vun xới
Sửa nồi cơm mới

Khấn vái gia tiên
Kính cẩn dâng lên
"Thường tiên" : nếm trước.
Mong nhờ Tổ phước,
Hòa cốc phong đăng.
Thóc lúa thêm tăng,
Hoa màu tươi mới.
Làm ăn tiến tới,
Con cháu được nhờ.
Lễ tuy đơn sơ,
Tỏ lòng thành kính.

Kính thỉnh - Thượng hưởng

III- VĂN CÚNG TRONG CÁC LỄ KHÔNG ĐỊNH KỲ

1/ LỄ HỢP HÔN TẾ TÔ HỒNG (toàn bài)

Âm Hán

Duy! Niệu hiệu... Tỉnh, phủ, huyện, xã, thôn...

Hôn chủ: (tên bố mẹ chú rể)...

Duyên hữu trưởng nam (hoặc thứ nam, trọng nam tức con trai thứ hai, quý nam tức con trai thứ ba), danh: (tên chú rể) niên phương trưởng thành, thứ tại: ... tỉnh, ... huyện, ... xã nhân, Nguyễn Văn (họ tên bố cô dâu), chi

trưởng nữ (hoặc thứ nữ) danh: Thị.. (tên cô dâu) kết vi phu thê.

Tu tắc hôn sự dĩ thành, lễ hữu hợp cần.

Cẩn dĩ: hương đăng, phù tửu, quả phẩm đẳng vật chi nghi, cảm minh cáo vu:

Tơ hồng nguyệt lão thiên tiên, cao mộ chi thần, vị tiền:

Cung duy:

Ngưỡng hà yến di, hạnh bằng hồng chi. Sinh nam thú thất, (Sinh nữ hứa hôn) Phi lễ kiên tương. Nguyên kỳ thỏa hữu, tích dĩ khang cường. Tam sinh hữu hạnh, lưỡng tính kỳ xương. Cầm sắt cổ lạc, Lan quế đăng phương.

Cẩn cáo

Tiếng Việt (toàn bài) .

Hôm nay, ngày... tháng... năm...

Chủ hôn là... người thôn... xã... huyện... tỉnh...

Có con trai trưởng (hay thứ...) tên là... kết duyên cùng Thị... con gái trưởng (hay thứ...) của ông bà.. người xã... huyện... tỉnh...

Nay thủ tục hôn lễ đã thành. Xin kính dâng lễ mọn gồm.. gọi là theo phong tục lễ nghi thành hôn và hợp cần.

Trước án thờ Tơ hồng Nguyệt lão Thiên tiên

Trước linh tọa Ngũ tự gia thần chư tôn linh

Trước linh vị liệt vị gia tiên chư chân linh.

Xin kính cẩn khấn cầu: (tiếp Bài 1, 2, hoặc 3)

Bài 1

... Khấn rằng: Nay gặp ngày lành tháng tốt / Việc cưới
đã xong / Nên vợ nên chồng, Đẹp duyên đẹp phận / Chỉ
Tân, tơ Tẩn, Hai họ kết giao / Đông liễu, Tây đào, Một
nhà vui vẻ / Gieo cầu kết chử, Đồi lúa giao hoan / Tiếng
trúc tiếng đàn, trăm xe đón rước / Đào hồng thắm biếc,
/ Oanh yến đậm đà / Vui chữ nghi gia, Mừng câu đại cát/
Vây nay cáo yết, Cầu khấn tôn linh / Xin tỏ tấc thành,
giáng ban trăm phúc / Như mai như trúc, như phượng
như loan / Chắp cánh riu ran, liền cành quẩn quýt / Giải
đồng khăng khít, bể ái sâu dày / Điem ngọc ứng ngay,
mộng hùng báo sớm / Quế hòe nên khóm, xanh lá tươi
cành.

Trăm lạy anh linh, Cúi xin hâm hưởng.

Cẩn cáo.

Bài 2 (Có thể dùng chung cho cả nhà trai, nhà gái).

... Khấn rằng: Tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên -

Rất công rất chính;

Chẳng vị chẳng thiên.

Gương Ngọc kính soi thông thể sự;

Sợi xích thằng giao kết nhân duyên.

Trước theo nhận cá thông môi, trạch phối hôn nhân
tuy rằng phận định;

Nay mừng uyên ương gặp lứa, tác thành gia thất, vốn
tự thiên nhiên.

Ngừa trông linh đức;

Chứng giám vì kiên.

Hòa hiếu chung vui hai họ;

Xướng tùy những ước bách niên.

Nhờ ra con có của nên, diềm lân chỉ từ nay hợp cần;

Mong được duyên ưa phận đẹp, phúc chung tu đội
đức Thiên tiên.

Cẩn cáo

Bài 3: Yết cáo tổ tiên, (có thể dùng chung nhà trai, nhà gái).

... Khấn rằng:

Phúc tổ di lai - Sinh trai có vợ (Sinh gái gả chồng)

Lễ mọn kính dâng - Duyên lành gặp gỡ.

Giai lão trăm năm - vững bền hai họ.

Nghi thất nghi gia - Có con có của.

Cầm sắt giao hòa, Trông nhờ phúc tổ.

Cẩn cáo.

2/ LỄ CHẨN THÁNG CHẨN NĂM CHO CON - VĂN CÚNG BÀ MỤ (toàn bài)

Âm Hán:

Duy! Niên hiệu ..., ..., Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Tín chủ (Nguyễn Văn X, Trần Thị Y) phu thê, đồng gia

Kính cáo:

Nhân vị: Tư niên... nguyệt... nhật (đọc ngày tháng sinh

của con, lễ chẵn năm thì thay chữ "Tư niên" (năm nay) thành "khú niên" (năm ngoài) sinh trưởng nam (hoặc thứ nữ, trưởng nữ, hoặc trọng nam (trai thứ hai). quý nam (trai thứ ba)... mệnh danh vi (đặt tên cho con là)...

Tu nhân chu nguyệt (chẵn tháng) (hoặc chu niên: chẵn năm)(1)

Cẩn dị: trai bàn, bàn soạn thứ tu, hương đăng, phù tửu, quả phẩm chi nghi, cảm cung cáo vu:(2)

Đệ nhất Thiên tỷ đại tiên chủ

Đệ nhị Tiên đế đại tiên chủ

Đệ tam Tiên mục đại tiên chủ

Thập nhị bộ tiên nương,

Tam thập lục cung chư vị ty nương - Ấn hạ:

Phục vọng chư vị tôn linh giám cách:

Tích chi khang cát, Tỷ tiểu nhi: Thân cung cường tráng, mệnh vị bình yên.

Thực lại: Chư tiên bà phù trì chi đại huệ dã!(3)

Cẩn cáo.

Tiếng Việt:

Bài này đại bộ phận đọc theo âm Hán. Nếu đọc tiếng Việt, chỉ sửa đổi mấy đoạn có chú thích như sau:

1) (Nhân vị... Tư nhân chu nguyệt)

Nhân ngày... tháng... năm nay (hoặc năm ngoài) vợ chồng chúng tôi sinh con trai (hoặc gái) đầu (hoặc thứ...) đặt tên là:..

Đến nay vừa chẵn tháng (hoặc chẵn năm)

(2) (Cẩn dị... cáo vu)

Kính cẩn sắm lễ vật cổ chay (hoặc mâm cỗ mặn), hương đèn, trầu rượu, hoa quả, khấn với:...

(3) (Phục vọng... đại huệ dã)

Cúi mong chư vị tôn linh chứng giám, phù hộ cho cháu bé được thân mệnh bình yên cường tráng. Kính nhờ vào đại đức các vị tiên bà phù trì.

3/ LỄ ĐỘNG THỔ (văn khấn trước khi làm nhà, dời nhà, sửa chữa lớn, mở cổng) (toàn bài)

Âm Hán

Duy! Niên hiệu:..., Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Tín chủ...

Kính cáo:

Đương niên thái tuế, cập thổ địa, thổ công, thổ phủ, tư mệnh, môn gia hộ úy / cảm kỳ đẳng thần /

Cung duy:

Thần / tương đắc an cư - sở cầu giai toại / - ký định phương ngung, môn khai quảng đại. //

Hướng xuất nhập / chi hàm hanh // Kỳ lộc tài / chi ích lợi //

Nhân an, vật phú / phúc lộc biên trần, // trí đại can khôn, / gia môn khang thái //

Đa linh / tứ mã cao xa, // Phú quý / vinh hoa vạn đại.//

Phục duy Thượng hưởng.

Tiếng Việt:

Nếu khấn bằng tiếng Việt thì tham khảo bài "Nhập trạch quy hỏa: từ câu "Kính cẩn tâu trình..." đến cuối bài.

Dịch đại ý bài trên đây: Từ chữ "Cung duy" cũng theo nội dung tương tự:

Cung kính nghĩ rằng: Tôn thần sẽ phù hộ cho gia đình được an cư, đạt được mọi điều mong muốn. Hướng đã định rồi xin cho mở nhà cao cửa rộng. Hướng ra vào được hanh thông để tăng tài tiến lộc. Cầu mong: Người bình yên mạnh khỏe, của cải tăng dần, phúc lộc dồi dào, cửa nhà đẹp đẽ khang trang. Tương lai xe ngựa dập diu, phú quý vinh hoa mãi mãi.

4/ LỄ NHẬP TRẠCH QUY HÒA (bắt đầu vào ở, đun bếp tại nhà mới) (mới làm xong hoặc sửa xong) (toàn bài)

Yết cáo tảo quân thổ thần:

Âm Hán

Duy! Niên hiệu:..... tỉnh... huyện... xã... thôn...

Tín chủ...

Liệt vị tôn thần. Tọa tiền, viết:

Táo quân / nãi ngũ tự / chi nhất thần // vi bách vật / chi tiên //

Chường / tam thai vị, // Cư // tạo hóa quyền. //

Tư nhân: Nhập trạch / quy hòa / Tài trần / cụ lễ / thịnh diên//.

Đầu / hướng vu thành kính // Ty / phúc lộc trăn biên //

Thường thịnh // thường yên, // Sự nghiệp / chiêu thủy

bình bình, //

Ty xương, ty xỉ // tử tôn / vĩnh bảo miên miên //

Phục duy Thượng hưởng.

Tiếng Việt

Hôm nay, ngày... tháng ... năm ...

Tại: thôn, xã, huyện, tỉnh...

Tín chủ là:...

Trước án tọa Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân.

Kính cẩn tâu rằng:

Ngài giữ ngôi tam thai,

Nắm quyền tạo hóa.

Trừ tai, cứu họa,

Bảo vệ dân lành.

Nay bản gia hoàn tất công trình,

Chọn ngày lành gia đình nhóm lửa.

Nhân lễ khánh hạ,

Kính cẩn tâu trình:

Câu xin gia đình

An ninh khang thái

Làm ăn tiến tới

Tài lộc dồi dào

Cửa rộng nhà cao

Ngoài êm trong ấm

Vợ chồng hòa thuận

Con cháu sum vầy
Cúi nhờ ân đức cao dày

Đoái thương phù trì bảo hộ.

Phục duy Thượng hưởng

Yết cáo gia tiên

Âm Hán

Tiếp mẫu văn cúng ngày lễ ngày tết

... Tọa tiền viết:

Gia trạch an cư, bảo tài tiến nhập

Nãi kim ốc / chi ký thành , // thị chu môn / chi định lập.//

Niên niên / phu phụ chi song toàn/

Nguyệt nguyệt / tử tôn chi hấp tập.

Nhật nhật / thường kiến phúc lai/

Thời thời / hưởng vu thiên lộc.

Phục duy Thượng hưởng.

Tiếng Việt:

Tham khảo nội dung tương tự như bài trên.

5/ LỄ MỪNG THỌ, CHÚC THỌ

Bài 1: Yết cáo tổ tiên (toàn bài)

Âm Hán

Duy! Niên hiệu: Tĩnh... huyện... xã... thôn...

Hậu duệ tôn... (tên người đứng lễ)

Cảm tiền cáo vu:

Linh tích tự thiên - nhân sinh do tổ.

Xuân tiết thích phùng - vi thành mặc ngụ.

Cung duy: Liệt tổ vị tiên linh!

Vụ quảng tâm điền, tư bồi đức thụ.

Nhật ích / nhi nguyệt tăng - căn thâm / giả mật mật.

Truy niệm tiền công - Cung trần lễ số.

Phục nguyện: Giám thủ vi tiền - tích chi thuần hộ.

Bảo ngã hậu nhân - Khắc tề thượng thọ.

Thiên tào tăng kỷ, / dẫn quy linh / hạc toán / dĩ vô
cương./

Hải ốc thêm trừ, / dữ lâm động thổ sơn / nhi bất hủ./

Thực lại: Tiên tổ / triệu bồi / chi du khuông dã

Thượng hưởng.

Tiếng Việt:

Hôm nay!

Ngày... tháng giêng năm... tức năm... CHXHCNVN
thứ bốn mươi...

Hậu duệ tôn là: (tên người đứng lễ)

Quỳ trước linh vị (đọc linh vị của thủy tổ, tiên tổ được
liệt thờ trong nhà thờ họ)

Kính cẩn lạy tâu rằng:

Cúi nghĩ: Tuổi tác tự Trời Phật ban cho;

Hình hài nhờ Tổ Tiên mới có.

Nay: toàn dân hớn hờ đón xuân sang;

Tin chủ mừng vui làm lễ thọ (1)

Yết cáo chu vị thần linh;

Kính lạy miếu đường tiên tổ.

Xin rộng mở lòng nhân;

Nguyện vun trồng đức độ.

Mong sao ngày tháng mãi bền lâu;

Ước được gốc cành thêm cùng cố.

Tường niệm công đức ngày xưa;

Gọi chút khói hương lễ nhỏ.

Ngứng trông chứng giám tắc thành

Cúi mong phù trì bảo hộ

Xin tiên linh khơi rộng mạch Trường sinh;

Cho hậu duệ leo lên thêm Thượng thọ.

Trên Thiên tào, tăng niên kỷ lâu dài, như rùa hạc vô cương;

Dưới hải ốc, tuổi phúc lộc dồi dào, như suối nguồn bất hủ.

Khấu đầu cúi lạy thần linh, tiên tổ

- Thượng hưởng -

1) Nếu người đứng lễ là bản thân người được khánh thọ thì dùng chữ "làm lễ thọ". Nếu con trưởng hay cháu đích tôn đứng lễ thì dùng chữ "dâng lễ thọ".

Bài 2: Yết cáo thần linh (yết cáo tại đình miếu, hoặc yết cáo gia thần).

(Phần mở đầu phỏng theo các bài lễ gia thần):

Duy! Niên hiệu... tỉnh, huyện, xã thôn... tín chủ...

Tư nhân: Tần xuân phùng cát nhật - Thân phụ (hoặc thân mẫu) hỷ:... Kim niên khánh (Cửu, bát hoặc thất) tuần thọ diên (nếu người con trưởng là chủ lễ đứng làm lễ cáo thần linh thì khẩn như trên)

Cẩn dĩ: Hương đăng phù tửu quả phẩm đẳng vật chi nghi...

Tọa tiền, viết: Tư giả xuân thiêu giai tiết - hoa giáp sơ chu - thực tịch thần sàng - hạnh tê thọ vực - Ngưỡng kỳ đại đức - Giám thủ vi thành - Vĩnh tích quy linh - Trường thiêm hạc toán.

Cẩn cáo

Bài 3: Yết cáo thần linh

(Yết cáo tại đình miếu thôn xã, đền thờ thành hoàng - Bài này dùng trong trường hợp ban lễ nghi yết cáo chung cho các cụ thọ từ thất tuần trở lên)

Âm Hán (toàn bài)

Duy! Niên hiệu..., Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Cung duy:

Tôn thần... tọa tiền, viết:

Tư nhân: Thôn (xã) nội nhân: ... (liệt kê họ tên, tuổi các bô lão thọ 90, 80, 70 tuổi)

Ngưỡng lai thần sàng, tuế đẳng thượng (hoặc trung) thọ.
Cẩn dĩ: Phù, tữu, quả phẩm, chi nghi, cung hành yết lễ.
Phục vọng giám lâm, tích chi phúc chi.
Hạc toán cao thêm, quy trừ vĩnh bảo.
Thọ khảo vô cương, Trường sinh bất lão.

Cẩn cáo

Tiếng Việt:

Hôm nay! Ngày... tháng giêng năm ...
Tại thôn, xã, huyện, tỉnh.
Tin chủ ... quỳ trước án tọa của tôn thần...
Xin kính cẩn tâu rằng:
Nay nhân trong thôn xã có các ông:...
đã đến tuổi ăn mừng thượng thọ (trung thọ) đang
ngưỡng vọng lên án tọa tôn thần, kính dâng: Trầu rượu,
hoa quả v.v... làm lễ yết cáo.

Cúi mong tôn thần chứng giám, ban thưởng phúc lành.
Hưởng hạc toán quy linh, được Khang thái an ninh
Được trường sinh bất lão.

Cẩn cáo.

6/ LỄ KHÁNH THÀNH NHÀ THỜ TỔ (toàn bài)

Âm Hán:

Phục duy:

Thiên chi hữu nhật nguyệt / quang chiếu thập phương;
Nhân chi hữu tổ tông / lưu thù vạn thế.
Từ đường hương hòa, cầu linh sàng / dĩ lai lâm;

Hương khí đàn thành, / bằng tử tôn / chi chiếu giám.
Phàm tâm cẩn bạch; tuế nhân điều quan.

Viên hũu: Tỉnh, huyện, xã, thôn Nguyễn... tộc cư phụng:
Tây uế, chiêu nghinh yên vị sự.

Tín chủ: Nguyễn Văn X./ Đồng tộc đẳng/Túc nhật bái vu:...

Thiết vi nhân tử, cảm hà tông thân.

Ngưỡng càn khôn / phụ tải chi ân;

Cảm tông tổ / triệu bồi chi ẩm.

Dục cầu / bảo an ưu miếu duệ; //

Tu bằng / cảm cách ưu tiên linh.

Ngưỡng kỳ: Tứ phủ vạn linh/ nhi giám cách.

Cung vọng: thập phương tam bảo / dĩ chứng minh.

Phục nguyện: Vạn xá tử bi, quang lâm bảo tọa.

Chúng hương diên / chi ý khẩn//

Giám đàn khốn / chi tâm thành

Pháp vũ / quân triêm - //Tù ba / phổ nhuận.

Vĩnh bảo / tông tộc nhi tôn chi phồn thịnh

Tương kỳ / tiên tổ khảo tỷ / dĩ siêu thăng.

Ngưỡng mong: Phật đức, dĩ đề huê / vong linh thoát
hóa;

Cộng hà: tông công, chi bảo hũu / tộc quyền xương
hanh.

Cung duy: vật bản hồ thiên; nhân bản hồ tổ.

Thế bất năng vong - Tộc ưu tư tỵ.

Dịch thế chi tông điều / tuy viễn / dĩ tỵ trừ tỵ;

Thiên thu chi công đức / do tồn, /bất thăng vĩnh mộ.
Sơ thủy / đồng căn cộng bản/ nhi tổ nhi tông;
Hậu lai / biệt phái phân chi / hữu môn hữu hộ.
Tu tặc: Từ đường / tu tạo dĩ thành công;
Lễ hữu / chiêu nghênh yên vị sự.
Cung thỉnh: Liệt vị tôn linh. Phục hồi tự sở.
Tả vi chiêu, hữu vi mục / úc niên chi linh sàng / thức
bằng;

Ái hồ kiến, khái hồ văn / dịch thế chi tinh thần / dĩ tự.
Cung trần phỉ lễ - mặc ngụ đan thành;
Phục vọng giám hâm - nguyện thân phúc chỉ.
Hiếu phụng / xuân thường thu được, /chứng minh /
báo đáp chi thành;
Xương quyết / hậu tử cán tôn,/ trường diễn / tuy tương
chi phúc.

Thượng hưởng

Tiếng Việt (toàn bài)

Cúi nghĩ rằng:

Vùng nhật nguyệt mười phương rạng rỡ,

Đức tổ tông muôn thừa sáng ngời,

Ngừng trông! Phúc ấm nối đời,

"Tế thần thần tại", về nơi từ đường.

Để con cháu, lửa hương phụng sự,

Nghìn năm sau, xuân tự, thu thường.

Bản khoản tự chỉ phế hoang

Đến nay đồng tộc sửa sang khánh thành.

Kính thiết lễ: Chiêu nghênh, yên vị,

Rước thần thông: Tẩy uế khai quang.

Mừng nay xuân tiết vừa sang,

Gần xa tụ hội họ hàng đồng vui.

*Viễn tôn đòi thứ... là tộc trưởng: Lê Văn X. hợp cùng
các bậc kỳ lão, các vị huynh trưởng và con cháu nội ngoại
các chi trong toàn tộc, kính cẩn trình tâu:*

Ơn trời đất cao dày che chở,

Ơn tổ tiên phù hộ độ trì.

Ơn nhờ đức Phật từ bi,

Ơn nhờ Thánh Chúa, Thần kỳ chúng soi:

Cây vững cổ, thắm chồi, xanh lá,

Nước trong nguồn, bể cả, sông sâu.

Chữ trung, chữ hiếu làm đầu.

Ai không tâm niệm: "Vi đâu có mình?"

Nhờ tiên tổ anh linh phù hộ,

Dìu cháu con tiến bộ trưởng thành,

Trẻ già trai gái yên lành

Họ hàng thịnh vượng, gia đình tươi vui.

Buổi sơ khai, một ngôi thủy tổ

Đời nối đời, chia họ, chia chi

Cây cao, bóng cả sum suê

Lá rơi về cội, người về tổ tông.
Nghìn thu sau, nổi dòng mãi mãi,
Ai trồng cây? Ta hái quả ngon
Vậy nên dạy cháu, khuyên con,
Vun bền tổ trạch, giữ tròn gia thanh.
Trong gia đình, trên bình, dưới thuận.
Trong họ đương "bách nhẫn thái hòa"
Xuân hồi,, thắm trở muôn hoa,
Non sông gặp hội âu ca thái bình.
Nay nhân lễ khánh thành, kính bái,
Chư tiên linh trở lại từ đường,
Tả chiêu, hữu mục theo hàng,
Tinh anh hội tụ, khói nhang phụng thờ
Tuy nén hương đơn sơ lễ nhỏ
Xin lượng trên thấu tỏ lòng thành.
Nguyện cầu tú phủ, vạn linh
Thập phương tam bảo chứng minh độ trì.

Cẩn cáo.

C - Văn lễ tang

Trong phần lễ tang từ khi mất đến hết hai năm ba tháng trong vòng tang, có nhiều lễ; chúng tôi lần lượt giới thiệu các bài văn từng lễ ngày xưa đã tiến hành - Thời nay các gia đình nên châm chước vận dụng - không nên mà cũng không đủ điều kiện để tiến hành mọi lễ. Hơn nữa tùy phong tục từng địa phương, có nơi chỉ chú trọng lễ 49 ngày, có nơi chỉ chú trọng lễ 100 ngày, có nơi coi lễ giỗ đầu là quan trọng hơn cả. Nhiều nơi đã bỏ 3 tháng "du ai". mà làm lễ cất khăn tang ngay trong lễ đại tường.

Thời nay con cháu bận công tác xã hội phải đi làm ăn xa, không thể theo lệ "cư tang" như ngày xưa. Vậy ta vận dụng câu "Tế như tại, con dâu cha mẹ đó". Tuy nhiều lễ, nhưng chỉ có thể coi một hay hai lễ gọi là lễ trọng để tập trung gia đình.

I- LỄ TANG TỪ KHI MẤT ĐẾN MÃN TANG

Mẫu chung phần mở đầu tương tự như ở phần lễ thường cúng gia tiên, nhưng phần cuối không kính kỵ, kính thỉnh ai cả, vì bàn thờ tang chỉ thờ vong hồn người mới mất.

Sau: "Duy! Niên hiệu..."

Chủ lễ tự xưng là cô tử (nếu còn mẹ), ai tử (nếu còn bố) hoặc cô ai tử (nếu bố mẹ đều đã mất) tự tôn (tức là cháu đích tôn thay thế bố là trưởng nam đã mất để cúng ông hay bà nội).

Nội dung từng lễ đọc tiếp theo câu:

Quỳ trước linh vị của Hiển khảo (hay tử) khóc mà than rằng: ...

Chú ý: Khi chưa chôn coi như còn ở cõi dương nên dùng chữ "Cố phụ, Cố mẫu" thay cho "Hiển khảo, hiển tử"

1- LỄ THIẾT LINH: (khấn sau khi lập bàn thờ tang, đặt linh vị).

Than ôi! Gió thổi nhà Thung (hoặc Huyền nếu khóc mẹ)

Mây che cõi Tử (hoặc núi Dĩ nếu khóc mẹ)

Dung mạo một mai vắng vẻ, báo xô cây, nghỉ lại ngâm ngùi thay;

Âm dương đôi ngã xa vời, mây phủ núi, trông càng đau đớn nhé!

Sương bay chớp nhoáng, bạch vân nghi ngút, cõi phù sinh;

Nén đỏ hương thơm, án tọa hắt hiu đồ sộ tử.

Vài tuần nghi tiết, mong anh hồn, thấu khúc tình văn;

Tắc dạ bi hoài, trông linh vị, tuôn giòng ai lệ!

Ôi! Thương ôi! Thượng hưởng!

2- LỄ THÀNH PHỤC (Khấn sau khi gia đình thân nhân mặc đồ tang, tề tựu quanh linh cữu)

Bài 1:

... Than ôi! Núi Hổ (hoặc núi Dĩ nếu khóc mẹ) mây che;

Chồi Thung (hoặc Huyền nếu khóc mẹ) gió bẻ.

Cõi trăm năm, trời khéo hẹp hòi thay;

Cơ một phút, đời sao mau mắn nhé!

Sân Lai tử, những mong ngày tháng rộng, bỏ công ơn áo nặng cơm dày;

Đồ Thôi y, đầu đã lụ lùng thay, càng cảm cảnh đầu tang tóc chế.

Ôi! Thương ôi!

Trời làm chi cực thế! Chạnh nhớ cha (hoặc mẹ) điều ăn nết ở, tấm lòng sâu chín khúc, rồi năm canh;

Ai xui nên nỗi này! Nỡ để con, rày nhớ mai mong, nước mắt chảy hai hàng, đầy một mẻ.

Nay vừa chế phục sẵn rồi; Bày đặt tang nghi theo lệ.

Gậy khăn tuân cú lối thường; Thành phục kính dâng diển tế.

Hồi ôi! Xin hưởng.

Bài 2: (cháu cúng ông bà có thể dùng bài này)

... Than ôi!

Cách trở sao mờ Nam cực, lỗ làng khôn kịp tỏ tâm tình;
Mịt mù mây khóa Giao trì, xui khiến chẳng qua vì
mệnh số.

Than như không, khóc kể cũng như không;
Trông chẳng tỏ, đoái nhìn càng chẳng tỏ.

Ôi! Thương ôi! Hồn phách đi đâu,
Hình hài còn đó.

Mộng Nam Kha, chưa tỉnh lúc tàn canh;
Miền Tây Trúc đã tìm nơi tĩnh thổ.

Ngậm ngùi chưa kịp hỏi đôi đường;
Bỗng chốc đã vội về thiên cổ.

Thảm thiết nhẽ, trăm năm là mấy, xót thương phận
trẻ hầy còn lo;

Đau đớn thay, một phút mà xong, nào tưởng lòng trời
sao nỡ phụ.

Bồi hồi chín khúc ruột tằm vương;

Sùi sụt hai hàng dòng lệ nhỏ.

Rày nhân: Tang chế phục thời;

Tế theo lệ cổ.

Tháng ngày khôn xiết nỗi bi ai;

Sớm tối nào quên niềm ái mộ.

Nhà bản bạc, gọi rằng lấy lẽ, ba tuần rượu rót, già đôi đường;

Nghĩa luân thường, há dám quên tình, một tấm lòng
thành, đền tấc cỏ.

Hỡi ôi! Xin hưởng!

**3- LỄ CHÚC THỰC (đọc ban đêm khi thân nhân túc
trực quanh linh cửu)**

... Thiết nghĩ! Nhân sinh tại thế,

Họa mấy người sống tám, chín mươi,

Đôi ba mươi năm cũng kể một đời.

Song vận số, biết làm sao tránh được.

Nhớ hồn thuở trước: Trong buổi xuân xanh.

Ôn mẹ cha đạo cả sinh thành, đêm ngày dạy dỗ:

Đường ăn, nổi ở, việc của việc nhà.

Lại lo bề nghi thất, nghi gia

Cho sum họp trúc, mai-mấy đoá.

Cương thường đạo cả, lòng những lo hiếu thảo đền ơn.

Nếp kiệm cần hằng giữ sớm hôm,

May nối được gia đường cơ chỉ,

Ba lo bảy nghĩ, vất vả trăm bề,

Cho vẹn toàn đường nọ lối kia,

Tuy khó nhọc chưa cam thỏa dạ;

Bỗng đâu gió cả, phút bẻ cành mai.

Hoa lìa cây, rụng cánh rơi rời.

Yến lìa tổ, kêu xuân vô vỗ.

Tưởng hồn trường thọ, diu con em, khuyên nhủ nên người.

Ai ngờ trắng lặn sao đời, hồn đã biến về nơi Tây Trúc.

Từ nay lấy ai chăm sóc, ngõ cúc, tường đào.

Từ nay quanh bóng ra vào, cõi Nam, cảnh Bắc.

Ngày chầy sáu khắc, đêm vắng năm canh..

Tưởng phát phở thoáng hiện ngoài màn,

Tường thấp thoáng bóng hình trên khói.

Hiên mai bóng rọi, vào ngấn ra ngõ.

Hết đợi, thời chờ, nắng nồng giá lạnh

Ai hay số mệnh!

Thuốc trường sinh, cầu Vương mẫu, chưa trao.

Bút Chú tử, trách Nam Tào sớm định.

Bùi ngủi cảm cảnh, tuôn rơi hàng nước mắt đầm đìa.

Nhớ nơi ăn, chốn ở, buồng nằm:

Nhu cắt ruột, xót lòng con, trên trần thế.

Mấy giòong kể lẽ. Chiêu hồn về than thở nguồn cơn.

Cầu anh linh phù hộ cháu con. Cầu Thần Phật độ trì,
cho vong hồn siêu thoát...

*(Nội dung bài này nhằm kể công đức người mới từ trần,
tỏ tâm tình thương tiếc của thân nhân. Giọng văn sâu
thẳm, bi ai, không đòi hỏi khuôn mẫu, thể loại chặt chẽ.
Có thể thêm bớt cho phù hợp với đối tượng và cảnh ngộ).*

4- LỄ CÁO LONG THẦN THỔ CÔNG TRƯỚC KHI ĐÀO HUYỆT (toàn bài)

Bài 1:

Kính lạy Bản cảnh hậu thổ thần linh chư vị:

Xin kính cáo: Hôm nay

Ngày... tháng... năm.... tang chủ là.. người xã... huyện... tỉnh...

Nay có táng cố phụ (hay cố mẫu) là... họ... húy hiệu...
tiền tước là: ... thọ chung ngày ... ở khu đất này, kính dâng
lễ vật... lễ nghi các thứ.

Thiết nghĩ: Đất có dư lành, Đều do họa phúc, Kết

phát dựa vào âm đức, Cũng nhờ thần lực hiển linh. Ấy
thực thường tình, Xiết bao cảm cách. Những mong mồ
yên mả đẹp, Vây dăng lễ bạc lòng thành, Nhờ ơn đại đức,
Thấu nỗi u tình, Khiến cho vong linh, Được yên nơi chín
suối, Phù hộ dương trần con cháu nội ngoại bình yên.

Cẩn cáo

Bài 2:

... Than rằng: Sông có Hà bá, Đất có Thổ thần.

Nay vì cố thân - Dời xa dương thế - Chọn đây cát địa
- An táng mộ phần. - Nhờ ngài phù hộ - Rộng mở hồng
ân - Thỏa yên muôn thuở - Trọn vẹn muôn phần. - Gia
ân mãi mãi - Kết phúc dần dần - Tâm thành bốn lễ -
Rượu hiến ba tuần. Xin ngài hâm hưởng - Xét thấu lòng
trần.

Cẩn cáo

Bài 3:

... Than rằng: Kính lạy long mạch tôn thần:

Long mạch tôn thần - Vâng chỉ ngọc hoàng thượng đế.

Trấn giữ một phương - Tiêu trừ tà tinh ác quỷ.

Phù hộ muôn dân - Hun đúc thuần phong linh khí.

Nay tín chủ là... có cố phụ (hay cố mẫu).

Mộ phần chân linh, táng tại bản địa - Bái tạ long mạch
kỳ yên - Cho âm linh dưỡng âm hưởng - Phúc địa đãi
phúc nhân - Siêu thoát vong hồn - Bảo tồn khô cốt -
Nguyên càn khôn tạo thiết, phù trì hậu duệ an ninh

Cẩn cáo!

5- LỄ THÀNH PHẦN (Văn khấn khi đắp xong mộ)

Bài 1:

... Than ôi!

Mây núi Hổ (hoặc núi Dĩ nếu khóc mẹ) mịt mờ, mờ mịt, chữ "vô thường", ngán nhẽ cuộc phù sinh;

Cơn bể dâu thay đổi đổi thay, cơ huyền diệu, ghê thay vòng tạo hóa.

Ôi! Thương ôi!

Người thế ấy, mà sao phận thế ấy, bồng đầu, số trời xui khiến, cõi âm dương, đời ngả đá xa vời;

Vận đến đây, hay là mệnh đến đây, thoát đã, nắm đất vun vùi, đường tù huyệt, trăm năm khôn gặp gỡ.

Mắt trông thấy, đào sâu lấp kín, túi nổi lòng, chín khúc ngổn ngang; Tai vẳng nghe, trống giục, chiêng hồi, đầy nước mắt hai hàng lã chã.

Nay đã phân kim lập hướng, cầu được thỏa yên;

Gọi rằng bát nước nén hương, kính trần bái tạ.

Hồi ôi! Xin hưởng.

(Nghỉ một lát đọc tiếp hai câu sau)

Xuất chủ kính dâng ba chén rượu, xem như còn sống ở cao đường;

Thành phần xin đốt một tuần hương, kính rước hồi linh về bảo tọa.

Bài 2:

... Than rằng:

Bóng tỏ mờ sương;

Chồi Thung (hoặc Huyền nếu khóc mẹ) đượm tuyết.

Trời già độc địa, âm dương chia rẽ đôi đường.

Khôn đem tắc dạ đền bồi, giọt lệ chứa chan, cam chịu thần hôn biếng nhác.

Nay đã mờ yên mà đẹp, cõi trần hoàn, không thấy hình dung.

Thôi từ đây, xa cách cõi trần, muôn thuở tìm đâu thấy mặt.

Thụy hiệu xin rước về tử lý, để sớm hôm hương khói phụng thờ.

Lòng thành kính dâng các lễ nghi - Cúi xin tiên linh chứng giám.

Thương thay! Thượng hưởng.

Bài 3:

... Than rằng: Sương sa, cây đổ; mây phủ mù che

Hồi thiên công, sao nữ khất khe,

Ngán cuộc thế, ai ngờ ra thế

Nhớ công cha mẹ - giọt lệ đầm đìa

Đường đi chẳng thấy lối về - sóng vỗ gây nên dâu bể -

Thôi từ đây!

Tuy linh hồn, chưa tỉnh giấc Nam Kha;

Mà thể phách, đã về miền Bắc lý.

Vời trông, chín tầng mây phủ; ba thước đất dè -

Cảnh tình lai láng - thương nhớ thảm thê -

Nhân nay: mộ phần - xong xuôi vẹn vế; công việc - êm đẹp mọi bề .

Kính dâng lễ bạc - giải tỏ lòng quê.

Cẩn cáo.

Bài 4:

... Than rằng:

Mây bạc, bay mù thôn dã, khôn lường tạo hóa, khéo xoay vần;

Biển xanh, đắp đổi ngàn dâu, dễ tỏ cơ trời, khi khép mở.

Côi trần ai, sống thác là thường;

Song cơ biến, đổi thay cũng dở.

Người về côi Phật, ngán nỗi duyên do,

Con ở miền Trần, chạnh lòng thương nhớ.

Âm dương cách nẻo, bồng chốc, ngàn thu trong một phút, nhìn qua đồng đất dạ rầu rầu;

Trời đất xa vời, đã đành, ba thước định trăm năm, cảm đến ân tình, lòng bỏ ngõ.

Rày nhân; mà đắp lung trâu;

Nền xây sườn ngựa.

Gối quỳ dâng, kim bôi ba chén, luống những ngậm ngùi,

Mất trông thấy, thổ nhượng một gò, lo còn lỗ chỗ.

Thôi, thời thôi!

Một phần nay đã đắp xong, xót thay mình dương cách trở, đành ngóng trông ngọn cỏ, biếc rờn xanh;

Hương hồn xin hãy trở về, gọi là khuya sớm phụng thờ, đành hướng vọng ngàn mây, than lại thở.

Than ôi! Xin hưởng.

6/ LỄ HỒI LINH (Văn khấn khi rước ảnh hoặc linh vị từ mộ về)

Bài 1:

... Than ôi! Xót nghĩ phụ thân (hoặc mẫu thân)

Thân thi táng tất - Hồn phách đã yên.

Xa nơi trần giới - về chốn cửu nguyên.

Nay hồi linh, phụng nghênh thần chủ - rước về linh diên

Để con cháu sớm hôm phụng sự - Tới hạn kỳ làm lễ cáo thiên.

Cha (hoặc mẹ) hồi có thiêng! Từ nay phách định hồn yên!

Cẩn cáo

Bài 2

... Than rằng:

... Trời cao thăm, mấy lần mây bạc, dò sao Nam cực, biết về đâu?

Đất mịt mù, vạn dặm non xanh, mờ chốn Giao trì, nhìn chẳng tỏ.

Ngùi than cơ tạo, khéo đo lường;

Thương xót lòng đơn, thêm ái mộ.

Ôi! Thương ôi! Nghĩa nặng chưa tròn;

Ơn sâu dăm phụ.

Mối tóc tơ, chưa chút báo đền;

Lòng sâu nảo, càng thêm gắn bó.
 Thể phách đã sang cõi Phật, mà mờ rày đã đắp cùn cao;
 Linh hồn dầu ở cảnh Tiên, ân trạch xin về soi chốn cũ.
 Thảm thay! Mơ màng gặp gỡ, những e không;
 Xót nhẽ! Sùi sụt khóc than, ngăn cũng khó.
 Rày nhân! Lễ thành phần vừa xong;
 Lễ hồi linh bày tỏ.
 Tường thiên kinh chưa xót tấm lòng;
 Nghĩ địa nghĩa dễ đền tác cò.
 Những ước, sớm hôm phụng dưỡng, áo Thái Ban dành
 để lúc thừa hoan;
 Nào ngờ, cách trở âm dương, gối cò nệm đã kề bên
 giấc ngủ.
 Cảnh vắng vì người; Mây bay vì gió.
 Cảm nghĩa, non cao, biển rộng, bản khoản trong dạ
 chạnh bồi hồi;
 Xót tình khóc sớm, kêu mai, bối rối tác lòng thêm vò vố.
 Ôi thương ôi! Thượng hưởng!

7/ LỄ CHẦU TỔ (Triều tổ lễ cáo)

(Sau khi làm lễ Hồi linh ở bàn thờ tang xong thì làm
 lễ cáo yết với tổ tiên ở bàn thờ chính, nếu là gia đình nhà
 con cháu thì yết cáo tại nhà thờ của chi họ, nơi thờ ông bà
 nội, hoặc cụ nội).

Hôm nay! Ngày... tháng... năm... hậu duệ tôn là... (vâng

lệnh thân mẫu và các chú) cùng với chị gái, anh rể các
 em trai gái dâu rể con cháu nội ngoại. Kính cáo tổ tiên:

Vì có: Hiển Khảo (hay hiển tỷ) ... thọ chung ngày...
 nay đã an táng xong, làm lễ Hồi linh.

Kính theo lễ nghi phong tục, xin kính dâng lễ vật gồm...,
 gọi là lễ bạc lòng thành.

Kính cẩn quỳ trước linh vị của: Hiển cao, tăng, tổ khảo
 tổ tỷ, liệt vị tiên linh. Trình thưa rằng:

Vật vốn nhờ trời - người sinh nhờ tổ. Xót nay phụ thân
 (hoặc mẫu thân) - theo tiên theo tổ - Sơ ngu vừa đặt tế
 diên, - nghĩ trước nghĩ sau - vật mọn kính bày lễ số.

Ngửa trông chúng đám lòng thành;

Cúi nguyện phù trì bảo hộ.

Cẩn cáo.

8/ LỄ TRIỀU TỊCH ĐIỆN VĂN (Lễ cúng cơm trong trăm ngày)

... Than ôi! Thương nhớ phụ thân (hoặc mẫu thân),
 bỏ về cõi thọ.

Gót thừa vân, nghĩ đã xa khơi;

Lòng ái nhật, nghĩ càng tui hổ.

Lung cơm bát nước, miếng trần cam, tỏ dạ kính thành;

Sớm rượu trưa trà, đạo thần hôn, giữ lòng ái mộ.

Ngậm ngùi, hồn phách biết về đâu; Tưởng tượng bóng
 hình còn mãi đó.

Ôi! Thương ôi! Xin hưởng!

9/ LỄ TẾ NGU (Tế ba ngày sau khi mất, hoặc sau khi chôn cất xong tùy theo phong tục từng vùng)

(Ngày đầu: Sơ ngu, ngày thứ hai: Tái ngu, ngày thứ ba: Tam ngu)

... Than ôi! Trên tòa Nam cực (khóc mẹ đổi là: Bảo vụ), lác đác sao thưa; Trước chốn Giao trì, tờ mờ mây khóa.

Cơ tạo hóa, làm chi ngang ngửa thế, bóng khích cầu, khen khéo trêu người;

Chữ cương thường, nghĩ lại ngậm ngùi thay, tình hiếu diệu, chưa yên thỏa dạ.

Ôn nuôi nấng, áo dày cơm nặng, biển trời khôn xiết, mấy công lao;

Nghĩa sớm hôm, ấp lạnh quạt nồng, tơ tóc những hiem, chưa báo trả.

Ngò đầu! Nhà Thung (hay Huyền) khuất núi, trời mây cách trở muôn trùng;

Chồi Tử mờ sương, âm dương xa vời đôi ngả.

Trông xe hạc, lò mờ ẩn bóng, cảm cảnh cuộc phù sinh chưa mấy, gót tiên du, đã lánh cõi trần ai;

Rối khúc tầm, áy náy trong lòng, thương thay hồn bất tử về đâu, cửa Phật độ, biết nhờ ai hiện hóa.

Suối vàng thăm thẳm, đáng phụ thân (hoặc mẫu thân) một bước lia khơi,

Giọt ngọc đầm đìa, đàn con cháu, hai hàng lã chã.

Lễ sơ ngu (hoặc tái ngu, tam ngu) theo tục cổ / trình bày;

Nhà đơn bạc, biết lấy gì / đóng dĩa.

Đành đã biết: đất nghĩa trời kinh, nào chỉ ba tuần nghi tiết, đủ lễ báo đền;

Cũng gọi là: Lưng cơm chén nước, họa may chín tuổi anh linh, được bề yên thỏa.

Ôi! Thương ôi! Thượng hưởng.

10/ LỄ CHUNG THẤT VÀ TỐT KHỐC (tức là lễ 49 ngày và 100 ngày) (chung thất: tức là 7 lần 7 = 49 ngày. Tốt khốc: tức là thôi khóc)

Bài 1:

... Than rằng: Phụ thân (hay mẫu thân) đi đâu - vội vàng chi mấy!

- Trời cao soi thấy - Thảm thiết muôn phần -

Thương thay! Cõi đời giấc mộng - Hình ảnh phù vân.

Sớm tối xoay vần - tính vừa bốn chín - Thoi đưa thấm thoát, chung thất tới tuần - gia đình sửa lễ cúi dâng. Lễ nghi tỏ lòng hiếu kính.

Bài 2:

... Than rằng:

Núi Hổ (hay Dị) sao mờ, nhà Thung (hay Huyền) bóng xế.

Tình nghĩa cha sinh mẹ dưỡng, biết là bao;

Công ơn biển rộng, trời cao, khôn xiết kể.
Mấy lâu nay: Thở than trần mộng mơ màng;
Tuồng nhớ âm dung vắng vẻ.
Sống thời lai lai lảng lảng, hờn hờ chùng nào!
Thác thời kể thảng kể ngày, buồn tênh mọi lẽ!
Ngày qua tháng lại, tính đến nay chung thất (*hoặc tốt*
khốc) tới tuần;

Lễ bạc lòng thành, gọi là có nén nhang kính tế.

Than ôi! Xin hưởng.

Bài 3: (Cháu đích tôn cúng ông, bà có thể dùng bài này)

... Than ôi!

Mây bạc xa ngăn cuộc thế, não nùng thảm cảnh, một
niềm lo;

Trời xanh nở để mối sầu, ngơ ngẩn buồn tình, trăm
việc rối.

Ngậm ngùi trong dạ, luống bản khoãn;

Sùi sụt bên lòng, thêm nhức nhối.

Tuồng thừa hoan, cảnh muốn còn lâu

Song trần mộng, Người đà lánh khỏi

Than ôi! Âm dương cách biệt, sống gửi thác về;

Mưa gió thảm sầu, sao đời vật đổi.

Ngày qua tháng lại, năm tuần (*hoặc 100 ngày*) đọc văn
tế tư thân;

Thở lặn ác tà, chung thất (*hoặc Tốt khốc*), bày lễ nghi
theo thói.

Thảm thiết nhẽ! Đi thương về nhớ, bóng tiên linh, đoái
thấy những mơ màng;

Đau đớn thay! Than vắn thở dài, lòng hậu tự, biết bao
chùng cảm đội.

Ngán thay! Cây muốn lặng, gió chẳng dừng,

Nên nổi! Ngày thêm buồn, đêm lại tủi.

Thôi! Thôi thôi!

Người về quê tổ, biết lấy chi báo đức, đền ơn,

Con (*cháu*) ở cõi trần, nguyện cầu được lượng tình, xá
tội.

Biết tìm đâu, gót tiêu dao hạc nội mây ngàn;

Xin thấu rõ, cảnh bản bạc, lưng cơm đĩa muối.

Hỡi ôi! Xin hưởng!

**11/ LỄ TIỂU TUỒNG, ĐẠI TUỒNG (giỗ đầu và giỗ
thứ hai)**

Bài 1:

... Than rằng:

Mây che núi Hổ (*hoặc núi Dị*), muôn dặm mơ màng;

Gió thổi cảnh Thung (*hoặc Huyền*), một vùng nghi
ngút.

Nhớ thuở trước, một nhà sum họp, vui vầy những ước,
đặng trăm năm;

Mà bấy nay, đôi ngả cách xa, nông nổi nào ngờ, nên
một phút.

On chín chữ, trời cao biển rộng, hiềm chưa chút công
đền nghĩa trả, gánh cương thường, nghĩ nặng trên vai;

Đêm năm canh, than vắn thở dài, những mơ màng,
tiếng nói điều ăn, lòng tưởng vọng, thấm đau trong ruột.

Cõi trần thế, xuân qua thu lại, ngày trời kể, chẵn một
năm tròn; (hoặc hăm bốn tháng tròn).

Giỗ tiểu tường (hoặc đại tường) lễ bạc lòng thành,
chén rượu dâng một vài tuần rớt.

Nhà đơn bạc, còn nhiều bề khiếm khuyết, hương thơm,
nến đỏ, việc lễ nghi, tạm gọi theo thời;

Bài văn ai kể mấy khúc nôm na, tâm động, thần tri,
miền minh phủ, may chi thấu chút

Ôi! Thương ôi! Thượng hưởng!

Bài 2:

... Than rằng:

Sao mờ Nam cực, buồn trông cơ tạo khéo xoay vần;

Biển hóa ngàn dâu, gấm nghĩ sự đời càng tức tối.

Ai làm nên mưa thảm, gió sầu;

Ai xui nổi sao đời, vật đổi.

Vốn xưa, một nhà sum họp, thường khi đi viếng về
thăm;

Bấy nay, đôi ngả âm dương, luống những than trầm
khóc tủi.

Rày nhân: tiểu tường vừa đến (hoặc đại tường lại đến),
lệ cổ đã thường;

Tang phục tiêm trừ (hoặc kết trừ), lễ nhà theo thói.

Đúc cù lao, tưởng đến xót xa;

Tình báo bổ, trông càng mong mỏi.

Thương khóc nhẽ! Công ơn chưa báo đáp, nỗ để, kẻ
về người ở, hai hàng nước mắt sụt sùi;

Thảm thiết thay! Thân thể đã cách xa, vậy nên, than
vắn thở dài, chín khúc ruột tằm bối rối.

Ngậm ngùi, vừa trái mấy thu đông;

Buồn bã đã biết bao sớm tối.

Nhà bản bạc, lấy gì trả nghĩa, gọi là nén hương bát
nước, cúi dâng cuộc rượu, hiến ba tuần;

Chốn u minh, như có thấu tình, rằng nay lễ bạc, lòng
thành, ngõ chút giây vàng, đưa chín tuổi.

Hỡi ôi! Xin hưởng!

12/ LỄ ĐÀM TẾ (tức là lễ hết tang trừ phục).

(Sau 2 năm và 3 tháng dư ai, chọn một ngày tốt làm
lễ: đắp sửa mộ dài thành mộ tròn, cất khăn tang, hủy đốt
các thứ thuộc phần lễ tang, rước linh vị vào bàn thờ chính,,
bỏ bàn thờ tang)

... Than ôi! Nhớ bóng phụ thân (hoặc mẫu thân);

Cách miền trần thế.

Túi mắt nhà Thung (hoặc Huyền) mây khóa, thăm
thẳm sâu phiền;

Đau lòng núi Hổ (hoặc Dĩ) sao mờ, dầm đĩa ai lệ.

Kể năm đã quá đại tường;
Tinh tháng nay làm đám tể.
Tuy lễ hưng biến cát, tang phục kết trừ;
Song nhân tử sự thân, hiếu tâm lưu để.

Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội nước
nguồn,

Suối vàng, như có thấu chẳng, họa may tỏ, trời kinh
đất nghĩa.

Cẩn cáo

Bài 2: (Cháu cúng ông bà có thể dùng bài này)

... Than ôi! Cha mẹ (hoặc ông bà)!

Vắng cõi trần hoàn;

Thác về tiên tổ.

Ngán nhẽ! Cao đường mù mịt, ngậm ngùi tắc dạ bi ai;

Trông chừng, đỉnh núi mây che, thảm thiết nổi lòng
gắn bó.

Cứ gia lễ, quá hai năm trừ phục, nhưng còn khúc ruột
vướng sâu thương;

Theo tục xưa, còn ba tháng dư ai, càng hận tắc lòng
chưa báo bổ.

Nay nhân: đám tể đã xong, thường nghi cất bỏ.

Ôi! Thương ôi!

Thế phách, đã quy hồi trạch triệu, xin độ trì, cho con
vững, cháu bền;

Linh hồn còn phảng phất từ đường, nhớ giỗ chạp, mãi

hương thơm đèn dờ.

Cầu mong! Dưới suối vàng, mãi được thỏa yên;
Trên linh tọa, đường như soi tỏ.

Cẩn cáo.

13/ LỄ RƯỚC LINH VỊ VÀO CHÍNH ĐIỆN VÀ YẾT CÁO TIÊN TỔ (toàn bài)

(Cách tiến hành nghi lễ: Chép sẵn linh vị mới phủ giấy
hay vải đỏ, khi đám tể ở bàn thờ tang xong, thì đổi linh vị
cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tể. Sau
đó rước linh vị, bát hương và chân dung (nếu có) đưa lên
bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới. Trường hợp nhà không
có bàn thờ chính thờ gia tiên bậc cao hơn thì không phải
làm lễ này mà yết cáo gia thần và yết cáo tổ ở nhà thờ tổ).

Hôm nay!

Ngày.....tháng.....năm.... Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Tín chủ là... (nếu lễ gia thần) hoặc Hậu duệ tôn là..
(nếu lễ gia tiên, tự xưng hô với vị được liệt thờ cao nhất)

Quỳ trước linh vị của (Đọc linh vị của Hiển...) vị thờ
cao nhất, liệt vị chu tiên linh.

Kính nghĩ:

Gót tiêu dao, mịt mù mịt mù, đầu hạc nội, đầu mây
ngàn?;

Cõi trần thế, thay đổi đổi thay, nay nương dâu, mai
bãi bể.

Lá rụng về cội, phách tuy giáng, hồn lại được siêu
thăng;

Nước chảy về nguồn, thác là quy, sinh chẳng qua tạm ký.

Nhân sinh do tổ, gốc phải vững, phúc quả mới mong
bền;

Hiếu tử sự thân, tế như tại, nhân tâm nào dám phé.

Rày nhân: Hiển khảo (*hoặc tử*) (đọc linh vị bố hoặc
mẹ)

Thọ chung ngày... tính đến nay đã:

Qua húy đại tuồng;

Đến tuần đàm tế.

Quá hai năm trừ phục, cáo tiên linh;

Đủ ba tháng dư ai, theo cổ lệ.

Cầu gia thần chứng giám, cho tù đường, phảng phất
linh hồn;

Nguyện tiên tổ phù trì, để trạch triệu, quy hồi phách
thể.

Đến ngày giỗ chạp, con cháu nhớ tháng ngày, làm lễ
dâng hương;

Nối gót tổ tiên, ông cha tiếp thế thứ, theo hàng phối tế.

Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên, cây cội, nước
nguồn;

Suối vàng, như thấu cho chẳng, họa may tở, trời kinh,
đất nghĩa.

Cẩn cáo.

14/ LỄ CẢI CÁT (Lễ sang tiểu, sửa mộ hoặc dời mộ)

Hôm nay!

Ngày.....tháng.....năm....Tỉnh, huyện, xã, thôn...

Hiển khảo (*hay tử*)... mộ tiền:

Than rằng: Thương xót cha (*hay mẹ*) xưa, vắng xa trần thế.

Thác về sống gửi, đất ba thước phải vui chôn;

Phách lạc hồn bay, hình trăm năm khó gìn để.

Lúc trước, việc nhà bối rối, đặt để còn, chưa hợp hướng
phương.

Tới nay, tìm đất tốt lành, sửa sang lại, cầu an hình thế.

Rày nhân: Phần mộ dời xong, lễ Ngụ kính tế

Hồn thiêng xin hưởng, nguyện cầu vĩnh viễn âm phần;

Phúc để di lưu, phù hộ vững bền miếu duệ

Cẩn cáo

Lễ tạ long mạch thổ thần khi cải cát

(Trước và sau khi dời mộ, khẩn với long mạch, sơn
thần, thổ thần nơi cũ và nơi mới. Bài văn khẩn phỏng theo
bài bằng Hán văn hoặc Việt văn trong lễ Thanh phần, và
bài cáo long mạch ở phần lễ thường)

II. CÁC NGÀY LỄ TIẾT TRONG VÒNG TANG

1/ LỄ SÓC, VỌNG (Văn khấn ngày mùng một, ngày rằm trong vòng tang)

(Xem thêm lễ Sóc, Vọng trong phần lễ thường)

Bài 1

... Than ôi! Cha (mẹ) ơi!

Đi đâu? Về đâu? ... Bấy lâu thương nhớ lắm!

Ngày qua tháng lại, nay vừa lễ Sóc tới tuần

(hoặc nay vừa lễ Vọng ngày rằm)

Sớm dậy, tối nằm, tưởng đến tình xưa thăm thẳm.

Sấm sanh bạc lễ kính tiên linh;

Khấn nguyện phụ thân (hay mẫu thân) về chúng giám.

Ôi! Thương ôi! Xin hưởng!

Bài 2:

... Than ôi! Thân phụ (hay thân mẫu) đi đâu? - Bỏ nơi dương thế - xa lánh bụi trần - tách phần phách thể -

Linh hồn xin về tử lý - để sớm hôm hương khói phụng thờ
- Lung cơm đĩa muối đơn sơ - Cúi xin lượng tình hâm hưởng.

Cẩn cáo

2/ LỄ ĐOAN NGỌ (5 tháng 5)

... Than ôi! Ngày qua tháng lại - Đoan ngo tới tuần -
Sớm dậy tối nằm - Bi hoài uất ức.

Hoàng lương một giấc mộng, cuộc đời sao mù mịt, mơ màng;

Đổ vụn năm canh kêu, tắc dạ luống não nề, bực tức
Nghĩ sao báo đáp cho đành, bạc lễ kính dâng thường thức.

Thượng hưởng.

3/ LỄ TRUNG NGUYÊN (Rằm tháng bảy, lễ Vu Lan hay Vĩ Lâm)

Bài 1:

... Than ôi!

Trăng tối vì mây, bèo tan bởi gió

Hồi tiên linh, vạn dặm xa khơi; để con trẻ, biết bao thương nhớ.

Dâu bể bao lần sóng vỗ; - trời mây xanh ngắt một màu -

Nhớ công sinh dưỡng bấy lâu - lệ rơi chan chứa

Giờ đà âm dương chia ngã - tắc dạ âu sầu.

Lòng còn đã tỏ - nghĩa nặng ơn sâu.

Nay vừa tuần Trung nguyên tiết giữa - tháng bảy là đầu.

Xin hồn chúng giám - trọn nghĩa trước sau.

Thượng hưởng!

Bài 2:

... Than ôi!

Chín chữ cù lao, ba năm bú mớm - Nay cha (mẹ) về sớm - biết bao gió thảm mưa sâu - Công đức bấy lâu - khác nào trời cao bể thẳm -

Đau đón nổi, chim bay, thỏ lặn, áo Thái Ban, chưa
được múa trên lầu- ...

Buồn bức thay, nắng dài mưa đầu, tiết Trung nguyên,
đã hầu vừa tới lễ.

Lòng thành ai lệ - dâng bữa cơm rau - Tỏ nỗi xưa sau
- Xin vong hồn chúng giám.

Thượng hưởng

Bài 3:

... Than rằng:

Mù mịt mấy lần núi Hổ (*hay Dĩ*), buồn trông cảnh cũ,
những mơ màng;

Phủ phàng chi bấy trời xanh, nở để mối sầu, thêm
thảm thiết.

Thương thay! Trần mộng mắt chưa từng;

Ngán nổi! Lòng trời soi chẳng biết.

Những ước, hoàng thiên bất phụ, thì để nhất đoàn phụ
(*mẫu*) tử, hôm mai phụng dưỡng, dạ thêm vui;

Nào ngờ tạo hóa vô tình, xui nên đôi mái âm dương
trưa tối buồn thương, sầu chẳng dứt

Ai làm nên, mưa gió dầm dìa;

Cho đến nổi, minh dương cách biệt.

Rày nhân: Ác tà thỏ lặn, tiết gọi Trung nguyên; nến
đỏ, hương thơm, lễ theo nghi tiết.

Doái thấy non Tây man mác, ngàn cây ủ rũ, hạt mưa
tuôn;

Ngoảnh nhìn gió Bắc phất phơ, nắm đất lạnh lùng,
hơi sương nhạt.

Đau đón nhé! Hình dung xưa đã khuất, lấy gì trả nghĩa,
gọi là ba chén rượu đầy vui;

Thảm thiết thay! Linh sáng thấu cho chăng, dâng chút
lễ thường, họa may chín tuổi vàng tỏ biết

Thương ôi là thương, kể sao cho xiết.

Than ôi! Xin hưởng!

TRUNG NGUYÊN TẾ THẦN VŨ LÂM: (toàn bài)

Duy!

Niên hiệu: ... Tang chủ: Nguyễn X. Cảm kiên cáo vu:

Hoàng lục viện, chuông minh y sứ giả, Từ miễn khanh,
Vũ Lâm Đại thần liệt vị án hạ // Viết:

Kim dĩ: phụ (*mẫu*) thân quyền trầm, Trung nguyên
tái chí sở hữu cung tiến kim ngân, minh y, tài mã, tạp vật
các hạng, Bất cảm huyền tiện, sở hữu trạng cấp (*nếu đốt
vàng mã thì đọc đoạn này rồi đốt luôn bài văn*) Cẩn dĩ:
Kim ngân phù tửu chi nghi, cung hành bái cáo:

Cung duy!

Tôn thần! Mệnh phụng thiên cung - Quyền tu y bộ -

Bẩm mệnh lệnh ưu thiên tào - Thừa gia tri ưu Phật tổ,

Cấm trừ ngoại quỷ - Thống chuông minh y, - cấp phó
vong hồn - Siêu sinh Tĩnh thổ.

Tu nhân: Tiết đạo Thu Thiên - Thành trần lễ số -

Phục vọng giám hâm, tích chi thuần hộ -
Khởi tam đồ, cứu độ chúng sinh - Dẫn lục đạo, giải oan tù khổ

Tỵ chi dĩ = Vọng hồn yên thỏa, hình hài phối hợp địa linh -

Phù chi dĩ = Gia thất xương ninh - phúc lộc đa môn tỵ hộ.

Thực lại, Tôn thân chi đại đức đã.

Thượng hưởng!

4/ CON KHÓC CHA

Trích bài của ông Tống Trần Hàm (1899 - 1955). Nhà giáo. Sơn Hòa - Hương Sơn - Hà Tĩnh.

Bài này ông viết năm 1940, khi đang làm giáo viên Trường tiểu học Tư Nghĩa - Quảng Ngãi, do Đại tá Tống Trần Huyền (con tác giả) ghi nhớ lại. Toàn bài gồm 212 câu theo thể song thất lục bát. Xét thấy lời văn chân chất đại chúng, có sức truyền cảm mạnh, nêu lên được nỗi niềm thống thiết bi ai, bài này có thể vận dụng hợp với tâm trạng những người con: trước đã mất mẹ, nay bố già sống ở nông thôn chết vì già yếu bệnh tật. Vậy chúng tôi trích dẫn có sửa một vài chi tiết để bạn đọc có thể tham khảo ứng tác các bài văn tế lễ Chung thất (50 ngày), Tốt khốc (100 ngày) Tiểu tường (giỗ đầu) Đại tường (giỗ năm thứ 2) hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

Hôm nay! Ngày.....tháng!.....năm.....
Trước linh tọa khóc mà than rằng:
Ngao ngán cuộc đời thay dâu bể,
Rụng rời cơn chia rẽ âm dương.
Làm cho đau đớn thảm thương
Năm mươi ngày (hoặc "chấn trăm ngày", hoặc "một, hai năm tròn") đã đoạn trường! Trời ơi!
Không mẹ đã đắng cay nghìn nỗi,
Không cha thêm tức tối trăm chiều.
Chúng con:... (Kể tên lần lượt trai, gái, dâu, rể, cháu trưởng) vâng theo ý: ... (kế mẫu, hoặc bề trên cao hơn nếu có)

Ra trước án, gối quỳ, miệng khóc,
Cảm thương cha, kính đọc bài này:
Cha ơi! Cha hồi! Có hay!
Linh hồn xin giáng về ngay linh sàng!
Hoặc cha ở Thiên đường Cực lạc,
Xin lệnh trên cuối hạc kíp về!

Hoặc về Địa phủ âm ty,
Xin đức Địa Tạng, hộ trì cho lên!
Hoặc phảng phất trong đèn Yển Túc(1),
Cúi xin cha rảo bước nhanh chân!
Để con khẩn vái ân cần,
Bà con thân thích xa gần viếng thăm.
Chén rượu nhạt, tay cầm, tay rót,

Mâm cỗ xoàng, giống ngọt, giống chua
Áo quần giấy, thế vải to,
Tiêu dùng xin gửi trăm tờ kim ngân.
• Chồng chất đó mấy nghìn vàng khâu
Của bà con tặng dầu trần gian
Gọi là Chung thất (hoặc Tốt khốc, hoặc Hủy kỵ) tới
tuần

Kính dâng bạc vật, cung trần phỉ nghi.
Sách có chữ "Tế phi dĩ lợi",
Lại có câu "Nhu tại, nhu tồn".
Tục truyền hai tiếng "Sống khôn...."
Thác thiêng", xin hưởng cho con thỏa lòng.
Trông linh tọa, áo choàng, mũ đội,
Ngó chân dung thêm rỗi mạch sầu.
Thương cha: thuở bé cợ cầu
Sớm buồng nghiên bút, ruộng trâu cày bừa.
Cùng mẹ xua xe tơ kết tóc
Dựng gia đình khó nhọc biết bao!
Ruộng vườn xiết kể công lao,
Tảo tần, lam lũ, lao đao mấy hồi.
Khổ sinh trưởng vào thời loạn lạc,
Cha xuất thân gánh vác việc công.
Nghĩ mình con giống, cháu dòng,
Trọng đường phẩm hạnh, vững lòng đấu tranh.
Ngoài cu xù, dân tình kính phục,

Trong tài bồi, tích đức tử nhân.
Nếp nhà giữ mực kềm cần,
Diu con, khuyên cháu lập thân vững vàng.
Tuồng trời để gia đường đoàn tụ,
Mẹ cùng cha hưởng thụ trăm năm.
Cực lòng! Mây phủ tối tăm
Xa trông núi Dĩ... năm trước rồi. (mẹ mất trước mấy năm?)
Tủi phận mẹ đến hồi thanh thả
Chưa chút chi cho thỏa tâm hồn.
Thương cha mòn mỏi héo hon,
Chiều tà, gà trống nuôi con những ngày...
Trải mấy độ ăn cay uống đắng,
Mấy tháng (năm) trời, đằng đẳng thuốc thang.
Thương cha quanh quẩn quê hương,
Chưa từng ngoạn cảnh viễn phương lúc nào.
May gần đây đơn cao bồi bổ,
Được vài năm cử bộ khang cường.
Tuồng mừng sao chiếu Ân quang
Tuồng trời bù lại ngày thường gian lao.
Chúng con ước được cao tuổi hạc,
Tuồng trời cho tiên được hồi xuân.
Ôn nhờ Tiên, Phật, Thánh, Thần
Cho con báo hiếu vài phần mây may.
Luật sinh tử nào hay tiên định,

Sổ âm dương ghi tính dâu rồi
Đôi lần mộng寐 lời thôi,
Cha đà cảm nặng! Ôi rồi! Trời ơi!
Con nào biết, khúc nôi đến thế,
Mà tâu lên Thượng đế kêu ca.
Đau lòng con mẹ, con cha,
Xác phàm mắt thịt mà ra thế này!
Con chỉ biết tìm thầy chạy thuốc
Con nào hay kỳ phước nương tai(2)
Tâu xin Ngọc bệ, Tiên đài,
Cải niên gia hạn cho hài lòng cha(3)
Càng hối lại càng chua xót thật,
Càng cực lòng như ngắt như si.
Đã đành "sinh ký, tử quy"
Trăm năm ai cũng qua kỳ nhân sinh.
Ngoài vạn dặm mây xanh mờ mịt,
Hồn cha bay mù tít phương nào?
Hay vì chín chữ cù lao
Cha nay theo gót Động Đào hầu ông?
Hay cha đã non Bồng len lỏi
Nhớ bà xưa, dưới gối thần hôn?
Hay vì hẹn bể thề non
Cha đi tìm mẹ cho tròn "ba sinh"?
Hay vì cảm thương tình cốt nhục

Tìm anh em bá thức cừu tuyền?
Lánh trần thám vấn gia tiên,
Nặng tình âm, nỡ lãng quên lối về.
Ai xui nổi biệt ly, ly biệt
Chạ ra đi răng dứt, răng đành(4)
Cực lòng đứa ở gần quanh
Nhớ khi cha hỏi, con trình con thưa.
Lại cực đứa đi xa về viếng
Tủi quạnh hiu vắng tiếng vắng tăm.
Cực khi ngày Tết, mừng năm,
Nhớ ông gọi, cháu cho cam cho tiền.
Nhớ những lúc cha hen, cha thở,
Nhớ những khi con đỡ, con ôm.
Nhớ khi sáng sớm, chiều hôm,
Chén trà cạnh gối, bát cơm bên màn.
Cám cảnh quá, con quên sao được?
Tủi thân chưa, cha bước sao đang?
Năm canh con những mơ màng
Sáu khắc con những bàng hoàng ruột đau.
Thôi mà thôi! Một lâu một mất
Dấu kêu van, trời đất có thương?
Cúi đầu đốt một nén hương,
Mấy hàng giải tỏ đoạn trường cô ai.
Cúi lạy nguyện Phật Trời phù hộ
Hồn mẹ cha Tinh độ Tây phương

Táo quân, Thổ phủ, Long vương
Linh thần chúng giám cảm thương độ trì.

1) Đèn Yển Túc: Theo truyền thuyết đây là nơi vong hồn mới mất chưa siêu thoát, đang chờ phán quyết

2) Kỳ phúc, Nương tai: Làm lễ cầu phúc và giải trừ tai nạn

3) Cài niên gia hạn: xin chữa lại sổ Nam tào để gia tăng tuổi thọ cho cha mẹ

4) Răng dứt răng dành: Tiếng địa phương Nghệ Tĩnh có nghĩa: Sao nữ dứt tình cho đang.

5/ CON CÚNG MẸ, CHỒNG CÚNG VỢ (đồng tế trong các ngày tết ngày lễ)

... Mẹ hỡi! Trời ơi! Cha con thương nhớ!

Ba năm bú mớm, tóc tơ chưa chút đen ơn;

Mười tháng cưu mang, sớm hôm xót người tựa cửa

Nghĩa tao khang, tưởng đến càng thương;

Tình mẫu tử lẽ nào dám bỏ.

Lời tan hợp, nỗi hàn huyền;

Đúc cù lao, duyên hội ngộ.

Ôn chín chữ, đạo hiếu hận chưa tròn;

Nghĩa trăm năm, chữ tình đành vương nợ

Uớc trăm tuổi, vẹn tròn thỏ nguyệt, cánh uyên ương,

sập sạ chốn lan phòng;

Bồng ba sinh, ám khóa nghề văn, bóng hồ điệp, chấp chờn bên thảo mộ.

Rày nhân (*Thượng nguyên, Đoan ngo, Trung thu...*) lễ tiết, cây hương, bát nước, kính dâng lên lễ bạc lòng thành

Họa may, linh tọa thấu chẳng, sống khôn thác thiêng, xin soi tỏ, phù trì bảo hộ.

Cẩn cáo

PHẦN II

PHỤ LỤC

VĂN TẾ CÔ HỒN THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô
Nào người thay! Buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng(1)
Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Dịp đường lê lác đác sương sa(1b)
★ Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Côi dương còn thế, nữa là côi âm.
Trong trường dạ tối tăm trời đất(2)
Có khôn thiêng phảng phất u minh(3)
Thương thay thập loại chúng sinh,
Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.
Hương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mồ côi lần lửa đêm đen.
Còn chi ai quý ai hèn,
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu.
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát.
Nước tỉnh đàn rưới hạt dương chi(4) (5)
Muôn nhờ đức Phật từ bi,
Giải oan cứu khổ, hồn về Tây phương(6)
Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,

Chỉ những lăm cướp gánh non sông.
Nói chi những buổi tranh hùng.
Tuồng khi thế khuất vận cùng mà đau.
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở,
Khôn đem mình làm đũa sắt phu(7)
Lớn sang giàu, nặng oán thù,
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.
Đoàn vô tự, lạc loài neho nhóc(8)
Quý không đầu, đón khóc đêm mưa.
Cho hay thành bại là cơ,
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan.
Nào những kẻ màn lan trướng huệ,
Những cây mình cung quế, Hằng Nga.
Một phen thay đổi sơn hà,
Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?
Trên lầu cao, dưới cầu nước chảy,
Phận đã đành trâm gãy bình rơi(9)
Khi sao đông đúc vui cười,
Mà khi nhắm mắt, không người nhật xương.
Đau đớn nhẽ! Không hương, không khói,
Luống ngẩn ngơ, dòng suối, rừng sim.
Thương thay! Chân yếu tay mềm.
Càng năm càng yếu, một đêm một rầu.
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,

Ngon bút son, thác sống ở tay.
Kinh luân găm một túi đầy(10).
Đã đêm Quàn Nhạc, lại ngày Y, Chu(11)
Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm.
Trăm loài ma, mồ nấm chung quanh
Nghìn vàng khôn đổi được mình,
Lầu ca, viện hát, tan tành còn đâu?
Kẻ thân thích vắng sau, vắng trước,
Biết lấy ai bát nước, nén nhang?
Cô hồn thất thiếu dọc ngang,
Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.
Kìa những kẻ bài binh bố trận,
Dấn mình vào cướp ẩn nguyên nhung.
Gió mưa sấm sét đùng đùng,
Dải thầy trăm họ, làm công một người.
Khi thất thế, tên rơi đạn lạc,
Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
Mệnh mông góc bể bên trời,
Năm xương vô chủ biết nơi chốn nào?
Trời xây xẩm, mưa gào gió thét.
Khí âm huyền mờ mịt trước sau(12)
Ngàn cây nội cỏ rầu rầu,
Nào đâu diều té, nào đâu chùng thường?(13)
Cũng có kẻ tính đường trí phú(14)

Mình làm mình nhịn ngủ kém ăn.
Ruột rà không kẻ chí thân,
Dầu làm nên, để dành phần cho ai?
Khi nằm xuống, không người nhả nhủ,
Của phù vân, dầu có như không(15)
Sống thời tiền chảy, bạc ròng,
Thác không đem được một đồng nào đi.
Khóc ma muốn, thương gì hàng xóm.
Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đêm(16)
Ngẩn ngơ trong quăng đồng chiêm.
Nén hương giọt nước biết tìm vào đâu?
Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,
Dẫn mình vào thành thị lân la.
Mấy thu lia cửa, lia nhà,
Văn chương đã chắc đâu mà chen chân.
Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
Vợ con nào nuôi nấng, khem kiêng.
Vội vàng liệm sắp, chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ, lảng giềng người dung.
Bóng phần tử, xa chùng hương khúc(17),
Bãi tha ma, kẻ dọc người ngang.
Cô hồn nhờ gửi tha hương,
Gió trăng hiu hắt, lửa hương lạnh lùng.
Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm bay chạy xé gió đông,

Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Dem thân chôn rắp vào lòng kinh nghê(18)
Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chín rạn hai vai
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,
Hồn đường phách sá, lạc loài nơi nao?
Cũng có kẻ mắc vào khóa lĩnh,
Bỏ cửa nhà, đi gánh việc quan,
Nước khe, cơm ống gian nan,
Dãi dầu nghìn dặm, lăm than một đời.
Buổi chiến trận, mạng người như rác,
Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
Lập lòe ngọn lửa ma trời(19),
Tiếng oan văng vẳng tới trời càng thương.
Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp,
Liều tuổi xanh, buôn nguyệt bán hoa.
Ngẩn ngơ khi trở về già,
Ai chồng con tá, biết là cậy ai?
Sống đã chịu một đời phiền não,
Thác lại nhờ hộp cháo lá đa(20)
Đau đớn thay! Phận đàn bà,
Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu?
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
Đôi tháng ngày hành khát ngược xuôi.

Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xú, chết vùi đường quan.
Cũng có kẻ mắc oan tù rạc(21),
Gửi mình vào chiếu lác một manh.
Năm xương chôn rắp góc thành,
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?
Kìa những kẻ tiểu nhi tắm bé,
Lỗi giờ sinh, lia mẹ lia cha.
Lấy ai bằng bé vào ra,
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng?
Kìa những kẻ chìm sông, lạc suối.
Cũng có người sẩy cối, ngã cây.
Có người leo giếng đứt giây,
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.
Người thì mắc sơn tinh, thủy quái.
Người thì vương nanh khải ngà voi.
Có người có đẻ không nuôi,
Có người sa sẩy, có người vong thương.
Gặp phải lúc đi đường nhờ bước,
Câu "Nại - hà" kẻ trước người sau(22)
Mỗi người một nghiệp khác nhau,
Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ?
Hoặc là ẩn ngang bờ dọc bụi,
Hoặc là nương ngọn suối chân mây.
Hoặc là bãi cỏ bóng cây,

Hoặc là quán nợ cầu này bỏ vợ.
Hoặc là nương thần từ phật tự.
Hoặc là nhờ đầu chợ cuối sông.
Hoặc là trong khoảng đồng không,
Hoặc nơi gò đồng, hoặc vùng lau tre.
Sống đã chịu nhiều bề thảm thiết,
Ruột héo khô, da rét căm căm.
Dãi dầu trong mấy mươi năm,
Thở than dưới đất, ăn nằm trong sương
Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
Lặn mặt trời lẫn thần tìm ra.
Lời thôi bông trẻ giắt già,
Có khôn thiêng nhẽ, lạng mà nghe Kinh.
Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ,
Phóng hào quang cứu khổ, độ u(23)
Rắp hòa tứ hải quần chu(24),
Náo phiền rũ sạch, oán thù rửa trong.
Nhờ đức Phật, thần thông quảng đại,
Chuyển pháp luân tam giới thập phương
Nhơn nhơn Tiêu diện đại vương,
Linh kỳ một lá, dẫn đường chúng sinh.
Nhờ phép Phật uy linh dũng mạnh,
Trong giấc mê, khước tỉnh chiêm bao.
Muối loài là những loài nào,
Gái trai già trẻ, đều vào nghe Kinh.

Kiếp phù sinh như hình bào ảnh(25),
 Có chữ rằng "vạn cảnh giai không"(26)
 Ai ai lấy Phật làm lòng,
 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.
 Đàn chấn tế vâng lời Phật giáo,
 Của có chi? Bát cháo nén hương.
 Gọi là manh áo thoi vàng,
 Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.
 Ai đến đây, dưới trên ngồi lại,
 Của làm duyên chỗ ngại bao nhiêu
 Phép thiêng biến ít thành nhiều,
 Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh
 Phật hữu tình từ bi phổ độ,
 Chỗ ngại rằng: có có không không...
 Nam vô Phật, Nam vô pháp, Nam vô tăng.
 Nam vô! Nhất thiết siêu thẳng thượng đài.

Đại thi hào Nguyễn Du

Chú thích:

- 1) Lá ngò: lá cây ngò đồng.
- 1b) Đường lê: Loại cây gỗ, mùa hè có tán lá sum suê, hoa trắng, thường trồng làm cây bóng râm trên đường, đến thu, đông thì rụng lá còn trơ cành.
- 2) Trường dạ: Đêm dài, tức là miền âm phủ.
- 3) U minh; U u minh minh cũng có nghĩa là tối tăm.

- 4) Tịnh đàn: Đàn thờ Phật, nơi Phật ở.
- 5) Dương chi: Cành dương, theo phép Phật giọt nước cành dương làm cho oan hồn siêu thoát, diệt khổ, nước cành dương liểu có thể tưới tắt lửa lòng.
- 6) Tây phương: Tây Trúc, nước Phật, miền cực lạc.
- 7) Sát phu: Người dân bình thường, cùng đinh trong xã hội.
- 8) Vô tự: Không có con cháu cúng giỗ, không ai thờ phụng.
- 9) Trâm gãy bình rơi: Cái trâm của người đàn bà cài tóc bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ, chỉ người đàn bà đẹp bị chết non.
- 10) Kinh luân: Tài điều khiển việc chính trị.
- 11) Quân Nhạc Y Chu: Các danh tướng Trung Quốc thời xưa: Quân Trọng, Nhạc nghị, Y Doãn, Chu Công.
- 12) Âm huyền: Âm cung huyền ảo.
- 13) Chưng thường: Tên hai lễ tế.
- 14) Trí phú: làm giàu.
- 15) Cửa phù vân: cửa như mây nổi, tan biến nhanh (ca dao tục ngữ: cửa phi nghĩa để ngoài sân, cửa phù vân để ngoài ngõ).
- 16) Hòm gỗ đa bố dóm đưa đêm: Ý nói sống giàu có mà đến khi chết chôn bằng gỗ đa bố dóm, không có áo quan, chôn lên lút vào ban đêm.
- 17) Phần và tử là hai loại cây tượng trưng cho quê hương, ý nói chết nơi đất khách.
- 18) Kinh nghê: Loại cá dữ ăn thịt người.
- 19) Lửa ma trời: Ở bãi chiến trường, chất lân tinh ở trong hài cốt gặp không khí ẩm ban đêm cháy tỏa sáng như ngọn lửa lập lòe, người ta tưởng là oan hồn hiện lên.
- 20) Hóp cháo lá đa: Theo tục lệ cúng cô hồn người ta dùng cháo bỏng đựng bằng lá đa ban phát cho các cô hồn.
- 21) Tù rạc: tù chung thân, dài hạn.
- 22) Nại hà: Nghĩa là đành vậy, biết làm sao tránh khỏi.

Chuyện Đường Thái Tông trong Tây du ký đi từ cõi Trần xuống Âm ty phải đi qua cầu Nại hà bắc qua con đường độc đạo một chiều.

23) Độ u: Phù hộ độ trì cho chốn âm u.

24) Tứ hải quần chu: Bốn biển cùng quy tụ vào một chỗ.

25) Bào ảnh: Bọt nước và bong bóng là hai thứ chóng tan chóng mất.

26) Vạn cảnh giai không: Mọi cảnh đều là hư ảo (theo thuyết Phật giáo)

VĂN TẾ ĐỨC THÁNH TRẦN

(Hưng Đạo Đại Vương)

Ngày... tháng... năm...

Chúng tôi... dâng tẩm đàn thành, trước di linh đức Trần Hưng Đạo đại vương, khẩn rằng:

Trời mở Đông A một cõi, nhờ máu gan xưa;

Đất truyền Hồng Lạc muôn năm, tưởng ông cha cũ.

Nhớ linh xưa: Đức sánh Kiền Khôn;

Tài xoay vũ trụ.

Trung hiếu không hai;

Võ văn gồm đủ.

Lòng ưu ái trong triều ngoài dã, thương xót nỗi chung;

Chí kinh luân dạt đất ngang trời, giúp vì nước Tổ.

Đem thân dài các, ra tay giữ vững âu vàng;

Gặp lúc phong ba, quyết chí nghiêng tuôn máu đỏ

Hai trận sông Đằng sôi nổi, giặc Bắc hồn kinh;

Mấy năm đất Kiếp vang lừng, trời Nam mặt tỏ.

Dư uy mặt nước réo âm âm,

Chính khí dinh non soi rực rỡ.

"Đầu dầu mất, thề không hàng giặc" một lời lẫm liệt, oai động lân bang;

Kiểm chưa mòn, tiếng vẫn reo thiêng, mấy bộ lược thao, danh truyền lịch sử.

Nay nhân: Gặp tiết trung thu;

Nhớ ngày tháng hóa (ngày 17 tháng 8)

Muốn bút mực thay hương kỷ niệm, dâng khách cửu tuyền;

Cùng anh em khắc mảnh đàn tâm, lạy người thiên cổ.

Ngon kim phong hieu hắt, cỏ cây nhường thấu tấm tinh thành;

Hồn cố quốc mơ màng, hương khói như khói lòng luyến mộ.

Dám xin: Lấy lượng xét soi;

Mở lòng ủng hộ.

Anh hùng dẫu khuất, khi thiêng còn dất lũ thanh niên;

Nhiệt huyết chưa phai, đuốc sáng mong soi đường tiến bộ.

Sao cho: nước lăm tài hay;

Dân thêm giàu có.

Hết nỗi hung hoang; sạch phường tham đồ.

Muôn tượng ngày thêm tô điểm, như thêu như vẽ, như hôn hờ xuân hoa;

Trăm nghề ngày một mở mang, càng giỏi, càng tinh, càng vẻ vang sinh thú.

Rồi đây!

Hàng chục triệu nào con, nào cháu, mãi tìm gan, trông nếp cũ cũng theo;

Muôn nghìn năm nào gái, nào trai, luyện vây cánh, sấn đường mây thẳng trở.

Cùng Âu Mỹ năm châu chen bước, so người nay cho được thỏa thuê;

Cũng Rừng Tiên trăm trứng chung bầu, soi gương trước khời điều thẹn hổ.

Trời Nam, bể Á, công đức ngàn trùng;

Nón Kiếp, sông Đằng, khói hương muôn thuở.

Nước có anh hùng là thế, lòng trần sùng bái, mong được chứng minh,

Đời dù tang hải đến đâu, lượng thánh cao thâm, dám xin tế độ.

Thượng hưởng.

Á nam Trần Tuấn Khải

Chú thích:

1. Tắm đàn thành: Tắm lòng son, lòng thành.
2. Đông A: Chữ Đông và chữ A ghép lại thành chữ Trần (họ của Hưng đạo Đại vương).
3. Kiền khôn: Trời đất (chú thích 56)
4. Âu vàng: Kim âu, biểu tượng của đất nước.
5. Sông Đằng, đất Kiếp: nhắc lại chiến công hiển hách chống quân Mông Cổ xâm lược, Trận đại thắng ở Bạch Đằng Vạn Kiếp.
6. Hung hoang: Mất mùa, đói kém, hoang tàn.
7. Tham đồ: Tham nhũng.

AI TƯ VẤN

Ngọc Hân khóc vua Quang Trung

Buồn thay nhẽ! Sương rơi gió lọt -

Cảnh điêu hiu thanh thót châu sa.

Tưởng lời di chúc thiết tha

Khóc nào lên tiếng, thức mà cũng mê.

Buồn thay nhẽ! Xuân về hoa ở -

Mối sầu riêng, ai gỡ cho xong.

Quyết liều cho vẹn chữ tông -

Trên rừng nào ngại, dưới dòng nào e.

Còn trứng nước, thương vì đôi chút -

Chữ tình thâm chưa thoát được đi.

Vậy nên nấn ná đôi khi -

Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.

Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo -

Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân.

Theo xa thôi lại theo gần -

Theo phen diện Quế, theo lần nguồn Hoa.

Đang theo bỗng tiếng gà sục tỉnh -

Đau đớn thay! Ấy cảnh chiêm bao.

Mơ màng thêm nỗi khát khao -

Ngọc kinh chốn ấy, ngày nào tới nơi.

Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ -

Nguyện đồng sinh tử đã kíp phai.

Xưa sao sớm hỏi khuya mời -

Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.

Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ -
Tình cô đơn ai kể xiết đau!
Xưa sáo gang tác gần châu -
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sênh ca.
Giờ sao bỗng cách xa đôi côi -
Tin hàn ôn khôn hỏi thăm tình.
Nửa cung gãy kiếm cầm lạnh -
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ.

CON RỂ VÀ CON GÁI KHIỐC MẸ VỢ

Lễ đưa linh mẹ vợ

Hỡi ơi! Tuyết đậu hành mai, Sương sa ngọn cỏ.
Cảnh du hồ nhật thức, đượm dòng quỳên, như nước
chảy hoa bay;

Đồ tạo hóa vờ xoay, người ở thế, như đèn lờ trắng tỏ.(1)

Nhớ linh xưa:

Côi cút làm ăn;

Toan lo phận khó.

Phòng loan giữ một tấm lòng son;

Niên kỷ đã tám mươi tuổi thọ.

... Nay mẹ đã theo đường vân lộ,

Sao chẳng thương nghĩa rể tình con -

Nay mẹ đành về với tổ tôn -

Sao chẳng đoái lều tranh trại cỏ.

Ta hồ! Mẫu tử! Ngửa kêu trời, trời chẳng hay thông;(2)
Cắt đoạn can trường! Cúi van đất, đất không thấu tỏ.(3)

Đêm buồn nghe chim kêu chuông đánh, dạ bàng
hoàng, một tấm lòng son;

Ngày những nghe chuột rúc ve ran, sâu bắt ngát, hai
hàng lụy nhỏ.

Đêm năm canh vô vô, thấy đèn huỳnh leo lét, chốn
loan phòng;(4)

Ngày sáu khắc băng khuâng, tường bóng hạc dật dờ,
bên cửa ngõ(5)

Châm chước ba tuần rượu nhạt, để đèn ớn chín tháng
cư mang;

Lập lòe một nén hương tàn, mà trả nghĩa nghìn năm
báo bổ.

Tạm dùng lễ bạc, nguyện linh hồn, lai hưởng lai hâm
Xin thấu tình con, đưa từ mẫu táng yên phần mộ.

Hỡi ơi! Thương thay!

(Trích Mã Phụng Xuân Hương
trang 125-126)

Chú thích:

1. Cảnh du hồ nhật thức... đèn lờ trắng tỏ: ý nói đời người mong manh, ngắn ngủi.
 2. Ta hồ: Than ôi.
 3. Can trường: Gan ruột.
 4. Đèn huỳnh: Đèn leo lét như con đom đóm.
 5. Loan phòng: Phòng riêng của phụ nữ.
6. Bóng hạc dật dờ: Ý nói đã già rồi sắp đến côi chết.

BÀI XƯỚNG LỄ TRONG LỄ TẾ THẦN HOẶC TẾ TỔ

Mỗi năm có một kỳ đại tế. Ban hành lễ gồm:

Chủ tế: người có uy vọng nhất trong làng xã.

Tế chủ trong lễ tổ là tộc trưởng, trưởng hợp tộc trưởng già lão quá, hoặc bé nhỏ quá chửa đến tuổi thành niên, hoặc đi vắng, thì chọn vị huynh trưởng thay thế.

Hai bồi tế: hai vị kỳ lão - Tế tổ thì hai vị huynh trưởng (bậc chú).

Đông xướng - Tây xướng (hai người đứng hai bên hương án để xướng lễ).

Diễn văn, đọc chúc văn (người viết văn và người đọc văn)

Hai nội tán (đứng đôi bên người tế chủ, dẫn tế chủ khi ra vào, coi như trợ lý của thủ trưởng)

Hai đồng văn (người đánh chiêng, người đánh trống)

Những người phục vụ khác trong việc dâng rượu, dâng hương, phúng văn tế, đối văn tế v.v... gọi chung là chấp sự.

Trình tự tiến hành lễ do người đông xướng điều khiển: Trước hương án (bái đường) trải sẵn 4 chiếc chiếu: Chiếu gần hương án nhất là chiếu thần vị, tiếp đến chiếu thụ tộ, âm phước, thứ ba chiếu chủ tế, thứ tư chiếu bồi tế.

Bài xướng tế:

Khởi chinh cổ, các tam nghiêm: Nổi chiêng trống ba hồi.

Nhạc sinh tấu vị: Đội nhạc ngồi vào vị trí, cử nhạc.

Cử soát tế vật: Kiểm soát lễ vật (2 chấp sự dẫn chủ tế vào nội điện cầm hương nến xem xét).

Ế mao huyết: Vút lông huyết.

Chấp sự giả, các tư kỳ sự: Mọi người chấp sự sẵn sàng hành lễ.

Tế chủ cập các chấp sự giả nghệ quán tây sở: Chủ tế, bồi tế và các chấp sự đến chỗ rửa tay mặt, thuốc cầm: Lau khô.

Bồi tế tấu vị: Bồi tế vào chiếu (trước).

Tế chủ tấu vị: Tế chủ vào chiếu (sau).

Thượng hương: Lễ thượng hương hai chấp sự 2 bên hương án và hộp trầm giao chủ tế quỳ vái xong, chấp sự đặt lên hương án.

Nghênh thần cúc cung bái: Tế chủ và bồi tế lạy bốn lạy, theo nhịp đông xướng (bái), tây xướng (hưng).

Bình thân: Đứng nghiêm.

Hành sơ hiến lễ: Dâng rượu tuần đầu.

Nghệ tấu t tượng sở, tấu tượng giả cử mệnh (một nội tán mở dài rượu).

Chước tuần: Rót rượu.

Nghệ hương án tiền: Tế chủ và 2 nội tán lên chiếu 1.

Quỳ: Quỳ.

Tiến tước: Một nội tán dâng dài rượu.

Hiển tước: Tế chủ vái rồi 2 nội tán đi 2 bên nâng cao

đài rượu đưa vào nội diện.

Phủ phục: cúi lạy, *Hưng:* Đứng lên.

Bình thân phục vị: Đứng nghiêm, xuống chiếu cũ.

Độc chúc: Chuẩn bị đọc văn.

Nghệ độc chúc vị: Tế chủ lên chiếu 1, chấp sự vào phùng văn tế ra.

Giai quy: Đều quỳ xuống (*Chủ tế, bồi tế, người chuyển văn người đọc văn*).

Chuyển chúc: Người chuyển văn đưa chủ tế vái một vái rồi giao người đọc.

Tuyên độc: Người đọc văn xong lại giao chủ tế vái 1 vái và giao người chuyển.

Phủ phục: Cúi lạy *hưng, bái:* (2 lần) 2 lạy.

Bình thân phục vị: Đứng nghiêm, trở về vị trí cũ.

Hành á hiến lễ Nghệ hương án tiền: (Lễ hiến rượu lần thứ 2 cũng như lần trước).

Qùy - Tiền tước - Hiến tước - Phủ phục - Hưng.

Bình thân phục vị: (Lễ dâng rượu tuần 2 cũng như tuần 1).

Hành chung hiến lễ: (Lễ dâng rượu tuần 3 cũng như 2 tuần trên).

Nghệ hương án tiền - Qùy - Tiền tước - Hiến tước - Phủ phục.

Bình thân phục vị.

Quân hiến ẩm phước: (Lễ tượng trưng thần ban phước lộc, người chủ tế thay mặt toàn dân nhận phước lộc).

Nghệ ẩm phước vị: Lên vị trí ẩm phước (*tức chiếu 2*) (*chủ tế lên*).

Ẩm phước: Uống rượu.

Thụ tộ: Nhận lộc (*Ấn miếng trâu thay cho miếng thịt* ngay trong lễ).

Phủ phục, Hưng bái (2 lạy) *Bình thân phục vị.*

Tạ lễ: Cúi cung bái (4 lạy) (cả chủ tế bồi tế lạy theo nhịp trống và người xướng lễ) *Bình thân.*

Phản chúc (đốt bài văn tế) *Lễ tấu* (Lễ xong).

Chú thích:

Quân hiến ẩm phước: Khi tế xong có ban phẩm vật còn thừa lại, đây là ơn huệ lớn... việc ấy trong lòng người đời cổ đời nay không bao giờ khác nhau... Không ai là không được thấm nhuần ân trạch ban cho (người chủ tế ẩm phước thụ tộ là tượng trưng thay mặt toàn dân nhận ban ơn huệ).

Ẩm phước: Tức là uống rượu có phước trạch của thần.

Thụ tộ: Nhận miếng thịt vai. Tộ là thịt vai.

Tế ở đàn xã tắc, đàn phong vân, Văn miếu, Võ miếu, khi chia tộ nhục (chia thịt con hy, con sinh dùng để tế thần - LND) viên quan chánh hiến được chia một phần thịt vai bên tả con sinh, đây là ý nghĩa quý thịt vai của người nhà Chu (trích kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn tập II trang 64) Sau này (theo phong tục VN của Phan Kế Bính trang 85) ta dùng miếng trâu mà ăn ngay ở trong chiếu lễ

Ế mao huyết: Tức là vứt bỏ lông và huyết. Trong buổi lễ một người chấp sự cầm một cái đĩa đựng một ít tiết và mấy cái lông trâu bỏ đi. Đây là tượng trưng, sau khi chủ tế cử soát lễ vật đã xong xuôi, đã trừ bỏ đi các tạp chất chỉ còn lại những thứ tinh túy để lễ tế thần.

PHẦN III

CHÚ GIẢI CÁC TỪ CỔ

MỘT SỐ KHÁI NIỆM

I/ÂM VÀ DƯƠNG: Đã gọi là văn cứng tế, tức là lời của người sống nói với người đã khuất, tất nhiên không thể không nói đến dương thế (*tức cõi trần*) và âm thế (*tức cõi âm, cõi chết*). Theo quan niệm của người xưa Sinh ký tử quy (*Sống là gửi, thác là về có nghĩa là cuộc sống chẳng qua tạm thời, sau khi chết mới là vĩnh cửu*) Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn (*thờ khi đã chết cũng như thờ khi đang sống*) đây là đạo lý, tình cảm của con cháu đối với cha mẹ, ông bà tổ tiên. (*Trong tập này có kèm thêm một số bài lễ gia thần như thổ công, long mạch v.v... vì đại bộ phận các gia đình có thờ, còn tin hay không là quyền tự do tín ngưỡng thờ Thần, thờ Phật hay thờ Chúa. v.v...*).

Rải rác trong các bài có những cụm từ đồng nghĩa.

Chú ý: Tuy là những cụm từ đồng nghĩa, song sắc thái diễn đạt khác nhau, ứng dụng thích hợp với văn cảnh khác nhau, không thể tùy tiện thay đổi một cách sống sượng. Điều này càng chứng tỏ tính đa dạng phong phú của ngôn ngữ Việt Nam. Thí dụ tập văn này từ đầu đến cuối toàn nói chuyện chết, nhưng các bạn không tìm thấy một từ "chết" nào cả. Ngược lại trong ngôn ngữ thông thường ta nhắc luôn đến từ "chết" nhưng hoàn toàn không có nghĩa là chết. Thí dụ "chết chửa!" "áy chết!" "thời chết rồi!" "chết không" "nằm chết đi" "ai bảo không nghe cho mày chết!"

"Ngò", "tiết", "mặt kiếp"... dùng khi hần học, khinh miệt; "mất", "thác", "qua đời", "về", "đi"... dùng trong trường hợp thông thường.

Các từ dùng trong tập văn này có nghĩa chết nhưng nói trang nhã, văn vẻ, trân trọng: quy tiên, tạ thế, từ trần, về quê tổ, chầu tổ, lánh bụi trần, cuối mây hạc, trăm tuổi, hai năm mươi, về cõi thọ, thành người thiên cổ, thoát tục, lên cõi Nát bàn, xuống suối vàng, sang miền Tây trúc v.v... chớ phiến diện đánh giá dùng những cụm từ đó là sai vào mê tín.

Dương thế: Cõi trần, trần thế, chốn trần ai, trần giới, trần hoàn, dương gian.

Trần ai: bụi bặm không thanh khiết, bụi trần.

Trần mộng: Sống ở đời như giấc chiêm bao.

Bóng khích cầu: Bóng cầu qua cửa sổ, khích là khe cửa, cầu là con ngựa, ý nói ngày giờ thấm thoát như bóng con ngựa vụt qua cửa sổ trong nháy mắt.

Thoi đưa: Ngày giờ thoăn thoắt như con thoi của thợ dệt.

Cõi phù du: Phù du là một loại bướm, cuộc đời từ khi nở đến khi sinh nở rồi chết chỉ mấy tiếng đồng hồ.

Kiếp phù sinh: Cuộc sống trôi nổi, bập bênh, không ổn định.

Cuộc bể dâu: tang thương, do chữ "thương hải biến tang điền".

Theo tích: Tiên nữ Ma cô bảo với Vương Phương Bình:

"từ khi tôi được tiếp hầu ông đến nay đã ba lần biển Đông biến thành nương dâu".

Giấc Hòe, giấc Nam Kha, giấc hoàng lương: Theo tích Thuần-Vu-Thần đời Đường nằm mộng thấy mình làm Thái thú ở quận Nam Kha, nước Hòe An, cực kỳ giàu sang vinh hiển, tỉnh dậy thấy dưới gốc cây hòe có một tổ kiến, ý nói công danh phú quý là hư ảo như một giấc mộng.

Hoàng lương: Kê vàng. Theo tích: Lư Sinh trọ ở Hàm Đan than văn về cảnh khốn cùng của mình. Đạo sĩ Lã ông bảo: "gối đầu lên cái gối này, anh sẽ được phú quý vinh hiển ngay". Lư Sinh nằm mơ thấy mình lấy được con gái vừa đẹp vừa giàu, đậu tiến sĩ, trong 10 năm làm đến tể tướng, sinh con cháu đều làm quan, dựng vợ gả chồng đều là chốn cao sang. Chợt tỉnh dậy, nời kê của người chủ quán vẫn chưa chín. Ý nói cuộc đời như giấc chiêm bao.

Tranh vân cầu: Nhìn thấy đám mây có hình con chó, nhưng chỉ chốc lát mây biến mất, bóng bạch vân: mây trắng cũng vậy.

Bóng hồ điệp chấp chờn: Theo tích Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa thành con bướm. Khi tỉnh dậy nói: "Không biết Chu mộng hóa ra bướm hay bướm mộng hóa ra Chu" ở đây nói cuộc đời như giấc chiêm bao.

Âm thế: Nơi người chết ở.

Âm giới, âm phủ, âm ty, miền minh phủ, cõi u minh,

côi u huyền, suối vàng, chín suối, cửu tuyền, cửu nguyên, hoàng tuyền, tuyền đài, dạ đài, nơi trường dạ, tinh thổ, trạch triệu, tiên giới, Phật giới, côi mây hạc, chốn giao tri, bông lai, tam đảo, non bông, đảo nguyên, miền Tây trúc, miền Bắc lý, miền cực lạc, hạc nội mây ngàn, gót thừa vân (*cưỡi mây để lên cảnh tiên*), vân lộ hư vô (mông lung chẳng có gì hết) côi tử, côi thọ, côi vĩnh hằng, quê tổ. Các cụm từ trên đều cùng nghĩa là *âm thế*.

Bạch vân: Mây trắng (*theo tích Dịch Nhân Kiệt đi xa nhớ nhà nhìn lên núi Thái Hàng ngâm ngùi than nhà cha mẹ ở đám mây kia*).

Quan hệ Âm và dương: Minh dương, u huyền, âm dũ dương đồng: trần làm sao, âm làm vậy, Âm dương đồng nhất lý: côi âm côi dương cùng theo một lẽ.

Minh dương đôi ngả cách vời.

Đôi mái âm dương: Giống như mái nhà, mái núi không nhìn thấy nhau.

Cối nam canh bắc: Cách biệt xa.

II/ MỒ MÃ: Mồ phần, phần mồ, âm phần, u trạch, âm trạch (*tức nhà của người chết*) thảo mộ (*mồ có cỏ mọc*) mộ địa, phúc địa (*đất tốt sinh phúc*). Cát địa: Đất tốt

Mồ phần ≠ tử phần: quê hương.

Cây tử và cây phần tượng trưng cho quê hương).

Hung táng (*mới chôn*), cát táng (*đã sang tiểu*) cải táng,

đi táng (dời mộ chôn ở chỗ khác) ký táng (chôn tạm) Lễ hung hóa cát: Tức là đang hung táng hết vòng tang sang tiểu.

Trong lễ tạ long mạch thổ thần có một số thuật ngữ phong thủy như Tiền Chu tước, hậu Huyền Vũ, Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, âm long dưỡng âm hướng, phúc địa đãi phúc nhân. Cao sơn dục tú, tổ địa sử anh hợp hướng phương, cầu an hình thế, phân kim lập hướng, chỉ cần hiểu đại ý không cần đi sâu.

Lễ tẩy mộ: Lễ thanh tẩy, lễ tẩy phần: quét dọn mồ mả sạch sẽ, phát quang dũi cỏ v.v... trong lễ thanh minh hoặc lễ chạp tính tẩy, đồng nghĩa.

III/ ĐẠO HIẾU.

Đường từ hiếu: Phụ tử tử hiếu, cha mẹ hiền lành, con cái hiếu thảo.

Bạn y: Áo màu sắc sỡ của trẻ em, Lão Lai tử là hiền sĩ thời Chu khi ông ngoài 70 tuổi, cha mẹ vẫn còn sống. Cha mẹ lo ông chết trước cha mẹ, nên ông thường mặc áo hoa, múa trước sân như hồi trẻ con, cho cha mẹ vui.

Sân Lai Thái, áo Thái ban (theo tích trên).

Ơn chín chữ, đức cù lao, ơn vô song, biển trời.

Chín chữ tức là 1. Sinh (*để*) 2. Cúc (*nâng niu*) 3. Phủ (*vuốt ve âu yếm*) 4. Súc (*nuôi, cho ăn, cho bú*) 5. Trường (*nuôi nấng trông nom cho lớn*) 6. Dục (*dạy dỗ*) 7. Cố (*săn sóc trông nom*) 8. Phục (*tùy tính mà uốn nắn*) 9. Phúc (*che chở*).

Dựa theo Kinh thi: Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao...
dục báo chi đức, hạo thiên võng cực: 1. Cha ta sinh ra ta,
2. Mẹ ta nâng đỡ ta từ trong bụng, 3. Vỗ về nuôi nấng
cho bú mớm, 5. Bồi bổ cho ta khôn lớn, 6. Dạy ta điều
hay lẽ phải, 7. Lo lắng theo dõi ta, 8. Dựa theo tính tình
mà khuyên răn ta, 9. Che chở cho ta, ta muốn báo đền
ơn đức-ơn đức như trời rộng không có giới hạn.

Thung Huyền: Thung hoặc xuân, Thung đường, xuân
đường: nhà có trồng cây thung (hoặc cây xuân tức là cây
gỗ quý tượng trưng nơi cha ở).

Huyền, huyền đường là nơi trồng cây huyền, một loại
cỏ thơm chỉ về mẹ. Bạch phát huyền đường thượng (tóc
bạc trên nhà huyền) (thơ Diệp Mộng Đắc đời Tống).

Núi dĩ: Chỉ về mẹ - Núi Hổ: Chỉ về bố.

Bảo vụ: Chỉ về mẹ - Nam cực: Chỉ về bố.

Kinh thi có câu: "Trắc bỉ dĩ hề, chiêm võng mẫu hề"
(Trèo lên núi Dĩ để trông ngóng mẹ).

Truyện Kiều có câu "suy lòng trắc Dĩ đau lòng chung
thiên".

Người tựa cửa: Truyện Kiều:

Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ - (nói về tình người
mẹ.)

Tích: Mẹ Vương Tôn Giả bảo với Vương Tôn Giả
rằng: "con đi buổi sớm mẹ tựa cửa mong - con đi buổi
chiều, mẹ tựa cửa ngóng".

Thần hôn: thần hôn định tình:

Thần: buổi sớm; Hôn: tức là buổi chiều hôm. Hôm
mai săn sóc cha mẹ. Truyện Kiều: "Nghe chim như nhắc
tấm lòng thần hôn".

Tư thân: nhớ người thân, nhớ song thân.

Thân tử sự thân: con thờ cha mẹ.

Trân cam: ngon ngọt. Thúc ăn quý báu ngon ngọt để
dành cho bố mẹ. Truyện Kiều có câu: "Trân cam ai kẻ
đổi thay phận mình".

Thuốc trường sinh, cầu vương mẫu chưa trao: ý nói
chưa xin được thuốc tiên trẻ mãi không già của Tây vương
mẫu. Dựa theo tích: Hoài nam tử: Hằng Nga là vợ Hậu
Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh của Tây
vương mẫu, chưa kịp uống, thì Hằng Nga lấy trộm uống
mất, rồi được thành tiên, rồi bay lên cung trăng.

Bút chú tử, trách Nam Tào sớm định: Nam Tào, Bắc
Đẩu là hai thần quản lý về việc sinh tử của dưới trần -
Nam Tào ghi vào sổ phải dùng bút gọi là bút chú tử, tức
là ghi ai chết vào thời gian nào định sẵn.

Thiên kinh địa nghĩa: đất nghĩa trời kinh, ơn sâu nghĩa
nặng.

IV/ MỘT SỐ TỪ CỔ THUẦN VIỆT.

Vì muốn giữ tính cổ kính trong cách hành văn và hợp
với âm điệu trong văn cúng lễ, nên chúng tôi cố ý giữ lại,
khi vận dụng tùy từng địa phương, từng câu, người đọc có
thể sửa cho thích hợp, thí dụ:

Chín e: chỉ sợ, chỉ lo.

Khôn nguôi: không nguôi, khôn xiết, khôn đem tác dạ
đền bồi v.v...

Đặng: để.

Chi : tiếng khu 4: gì.

Luống nhũng: tuồng chừng như (tâm trạng bồn chồn
băn khoăn).

Chạnh niềm: băn khoăn, bồi hồi, ngậm ngùi trong dạ.

Rày: nay; Rày nhân: nay nhân dịp.

Đoái trông, đoái tường: ngóng trông.

Đường ăn nổi ở, đường nọ nổi kia.

Ngày chầy sáu khắc: chầy: chậm, sáu khắc: mao, thìn,
ty, ngo, mùi, thân.

Ngùi than: Ngậm ngùi than khóc.

Lòng đan, lòng đơn: lòng thành, lòng son.

Dóng dĩa: Bày biện tươm tất.

Vấn dài: Ngắn dài.

Ngò: Bày tỏ, ngỏ ý.

V/ NGŨ PHỤC:

Là 5 loại để tang hay gọi là để trở:

1. *Đại tang* : để trở 3 năm.

2. *Cơ niên* : để trở 1 năm.

3. *Đại công* : để trở 9 tháng.

4. *Tiểu công* : để trở 5 tháng.

5. *Ti ma* : để trở 3 tháng.

PHẦN LỄ THƯỜNG

1, *Phụ vị, thương vong đẳng tông tự*: Phụ vị: những
người được thờ phụ vào với bàn thờ tổ tiên như tổ bá, tổ
thúc, tổ cố v.v... không còn hậu duệ (tức là người nối dòng
trực hệ) nữa; thương vong là những người chết yếu chưa
đến tuổi thành niên. Theo phong tục những người đó,
không ai cúng giỗ riêng mà tông tự tức là thờ theo tiên
tổ.

2, *Dung âm*: Hình dáng và tiếng nói.

3, *Húy lâm, húy nhật, húy kỵ*: Ngày giỗ.

4, *Ai thăm*: Lòng đau thương cảm mến vô hạn.

5, *Tắc thành, đan thành*: Lòng thành, lòng son.

6, *Từ đường*: Nhà thờ tổ đại tôn hay tiểu chi; Đền thờ
thần - *Thần từ Phật tự*: tức là Thần thờ ở đền, Phật thờ
ở chùa. *Bản từ đường tiên tổ*: Tiên tổ được liệt thờ ở nhà
thờ đó.

7, *Kỷ lão*: Nói chung người già trên 60 tuổi.

8, *Hâm hưởng, lai hưởng lai hâm, phục khất giám hâm,
thượng hưởng, giám hưởng (đều cùng nghĩa)*: xin kính
mời thần linh hưởng nhận lễ.

9, *Lễ chạp*: chữ Hán gọi là "lạp" tức là một lễ tế vào
tháng 12 - Ta nói "giỗ chạp" tức là giỗ và Lạp. Ở Thừa
Thiên, Huế, lễ chạp rất được coi trọng - có ý nghĩa như
tục tảo mộ tiết thanh minh - con cháu sửa sang phần mộ

và mời tổ tiên về ăn tết. Vì vậy tháng 12 cuối năm âm lịch được gọi là Tháng chạp (lạp nguyệt). Thịt khô, ướp muối dùng trong mùa rét gọi là Lạp nhục, Lạp trường (trường = ruột: tức là Lạp xường).

10, Vật đổi sao dời: Mọi vật đều biến chuyển.

11, Đào phù vạn tượng canh tân: Cầu mong phù trợ cho mọi về đổi mới.

12, Tam dương khai thái: ba tháng đầu xuân rạng rỡ.

13, Cung trần: kính cẩn trình bày.

14, Thiều quang: Ánh sáng mặt trời (Truyện Kiều có câu: Thiều quang chín chục: 3 tháng mùa xuân).

15, Ninh xương: Yên lành, tốt đẹp.

16, Dương cơ, âm mộ: Nhà cửa và mộ mả.

17, Lễ tuy bất túc, tâm kính hữu dư: Tuy lễ vật không đủ, nhưng lòng thành kính có thừa.

18, Mệnh vị an cư, thân cung khang thái: Mệnh vị, thân cung: danh từ thuộc Tử vi đẩu số, nói về cung mệnh, cung thân đều tốt đẹp yên ổn.

19, Hồng ân: Ôn to lớn của bề trên ban xuống.

Phúc di lưu: Phúc để lại lâu dài.

20, Ngũ tự gia thần: (lễ tảo quân) Theo Lễ ký thì ngũ tự là thần công, thần bếp, thần cửa, thần giếng và thần trung lựu (giữa sân). Xem bài gia thần gia tiên.

21, Âm dư dương đồng: Cõi âm cũng giống như trên cõi trần. Trần làm sao, âm làm vậy.

22, Phong đăng: Theo chữ "hòa cốc phong đăng": năm được mùa thời tiết tốt.

23, Hợp cần: Sau khi thành hôn, trước khi động phòng, làm lễ hợp cần.

Cần: là đồ đựng rượu làm bằng vỏ quả bầu tức bầu rượu. Tục xưa, là một nghi thức thành hôn, hai vợ chồng trao cho nhau chén rượu, gọi là rượu giao bôi tức là hợp cần cùng uống một lúc, ở nước ta còn tục lễ trao cho nhau miếng trầu cùng ăn.

24, Tư hồng nguyệt lão thiên tiên: Chỉ hồng - Xích thằng - Buộc chân - gieo cầu kết chỉ - chỉ Tấn tở Tần. Dựa theo tích Vi-Cổ gặp ông lão trong một đêm trăng, ngồi kiểm sách hướng về phía mặt trăng, sau lưng có cái túi đựng dây dây đỏ. Ông lão bảo cho biết đây là những văn thư kết hôn của thiên hạ. Còn những sợi dây đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ chồng. Một hôm Vi-Cổ vào chợ gặp một bà già chột mắt ẵm một đứa bé đi qua. Bỗng ông già lại hiện lên báo cho biết: "Đứa bé kia sẽ là vợ anh". Vi-Cổ giận, bảo đầy tớ tìm giết đứa bé ấy đi. Người đầy tớ lên đâm đứa bé giữa đám đông rồi bỏ trốn. Mười bốn năm sau, quan thứ sử Trương Châu là Vương Thái, gả con gái cho Vi-Cổ. Người con gái dung sắc tươi đẹp, giữa lòng mây có dính trang điểm một bông hoa vàng. Vi-Cổ gạn hỏi, vợ mới bảo: thuở còn bé một bà vú họ Trần bế vào chợ, bị một đứa cuồng tặc đâm phải. Vi-Cổ hỏi: có phải bà vú đó chột mắt không? Người vợ

bảo đúng thế. Vi-Cổ kể lại việc trước, hai vợ chồng càng kính yêu nhau, cho là duyên trời định sẵn.

25, Lá thắm xe duyên, Hồng điệp, Nhận cá thông môi: Con chim nhận đưa thư, con cá đưa thư, lá thắm trên lá đề thơ thông cho nhau, đó là những vật làm mối lái.

Dựa theo tích: Cát Nguyên bỏ thư vào bụng cá, Tây Vương Mẫu giao thư cho chim nhận gửi Hán Vũ Đế. Vu Hưu đề thơ tình trên lá gửi cho cung nữ họ Hàn, còn có tích Tô Vũ nhờ chim nhận đưa thư cho Hán Vũ Đế.

26, Trạch phối hôn nhân: Lựa chọn lứa đôi.

27, Gieo cầu: Dựa theo tích Hán Vũ Đế cho con gái ngồi trên lầu gieo quả cầu xuống ai bắt được quả cầu thì lấy người đó.

28, Nghi thất, nghi gia: Nên cửa nhà, tác thành gia thất: xây dựng gia đình.

29, Chắp cánh liền cành: Đường Huyền Tông cùng Dương Quý Phi thề thốt với nhau: Trên trời nguyện làm đôi chim liền cánh, dưới đất nguyện làm đôi cây liền cành.

30, Mộng hùng bi: Nằm mơ thấy con gấu là điềm sinh con trai.

31, Cầu ô: Ô = con qua. Theo tích Ngưu Lang Chức Nữ, Chức Nữ là con gái Ngọc Hoàng thượng đế mà lấy Ngưu Lang là một anh chăn trâu thường dân. Vì vậy Ngọc Hoàng tức giận mới đầy mỗi người ở mỗi bên sông Ngân Hà, hàng năm chỉ được gặp nhau một lần đêm 7 tháng 7 - do đàn qua bắc cầu sang sông cho hai bên gặp nhau

- Cầu Ô là cầu qua.

32, Diêm lân chỉ: Lân chỉ là vết chân con kỳ lân. Kỳ lân là loài thú có lòng nhân, chân nó không bao giờ dẫm vào đám cỏ xanh hoặc con vật sống - ví với người nhân đức - Diêm chung tu lân chỉ là điềm tốt lành sinh con trai.

33, Loan phượng, oanh yến, trúc mai, đào liễu, cầm sắt: Nói quan hệ vợ chồng hòa hợp phận đẹp duyên ưa.

34, Cầm sắt: Đàn Cầm đàn Sắt hai nhạc khi hòa âm với nhau gọi là Cầm Sắt giao hòa.

PHẦN LỄ TANG

Những từ đứng trong văn lễ tang đã chú thích ở mục Một số khái niệm I, II, III không lặp lại ở từng bài, chỉ chú giải bổ sung một số từ chưa nêu ở trên.

35, Dung mạo: Hình dạng.

36, Bao xô cây: Dựa theo thành ngữ "cây muốn lặng gió chẳng dừng".

37, Đồ sự tử: Đồ thờ cúng.

38, Ai lệ: Nước mắt.

39, Đồ thôi y: Quần áo lễ tang như mũ gai, đai chuối, khăn xô, áo sổ gấu...

40, Chín khúc, tác dạ: Ruột tửm, tác cổ đều cùng nghĩa: lòng dạ.

41, *Ái mộ*: lòng yêu thương quý trọng (hâm mộ).

42, *Gia đường cơ chỉ*: Nghiệp nhà, nền tảng của nhà, nếp nhà.

43, *Nắng nồng giá lạnh*: Câu này (trong trang 74) ý nói không giữ được đạo thần hôn nữa.

44, *Cổ phụ, Cổ mẫu*: Cha mẹ xưa, chữ "cổ" có nghĩa là "cũ" như cổ hương, cổ hữu, cổ thân, bạn cố tri, cố nhân (người đã quen biết từ lâu)

45, *Tiền tước*: Chúc tước, địa vị khi còn sống.

46, *Thọ chung*: Chết, từ trần.

47, *Hồng ân*: Ôn sâu do bề trên ban cho.

48, *Siêu thoát vong hồn, bảo tồn khô cốt*: Hồn sau khi chết được siêu thoát, tức là được lên thiên đường, khô cốt = xương khô.

49, *Càn khôn*: 2 quẻ trong bát quái. Càn: trời, khôn: đất.

50, *Hậu duệ*: Con cháu nối dòng theo trục hệ.

51, *Vô thường*: Thành ngữ "nhất đán vô thường": một ngày đột biến khác thường.

52, *Tử lý*: Tử lý ở đây tức là về nhà. Tử là cây tử, phần là cây phần. Hai cây Tử và Phần để chỉ quê hương (tử phần: quê hương, khác mộ phần: mồ mã).

Tử lý: quê hương, khác Bắc lý: cõi âm.

53, *Thiên công*: Trời.

54, *Thân thi*: Thể phách: phần xác, thi hài. *Táng tất*: đã chôn cất xong.

55, *Linh diên*: Bàn thờ.

56, *Thái tuế, Tuế thứ*: Năm tính theo lịch can chi, thí dụ Giáp tý..... Quý Hợi.

57, *Lòng ái nhậ*: Thương nhớ từng ngày từng buổi.

58, *Hiếu hiếu*: Con chim biết mớm mồi lại cho mẹ.

59, *Chồi từ*: Gốc quê cha đất tổ.

60, *Hiện hóa*: Theo thuyết nhà Phật sinh sinh hóa hóa - hiện hóa thoát để về cõi Phật.

61, *Dóng dĩa*: Tươi tất.

62, *Thừa hoan*: vui vầy sum họp cùng nhau mừng rỡ.

63, *Tư thân*: Nhớ người thân, ở đây là nhớ cha nhớ mẹ, song thân.

64, *Năm tuần*: Túc 50 ngày, 10 ngày là một tuần; Không phải tuần lễ 7 ngày như dương lịch.

65, *Thỏ lặn ác tà*: (Thỏ : mặt trăng, ác : con quạ : mặt trời) : đêm ngày qua đi.

66, *Hậu tự*: Con cháu chắt nối chung.

Cảm đội: Cảm ơn, đội ơn.

67, *Tâm động quỷ thần tri*: Trong lòng mình suy nghĩ gì quỷ thần đã biết.

68, *Tang phục tiêm trù*: Lễ giỗ năm đầu (tiểu tường) bỏ bớt một số tang phục, năm thứ hai chỉ còn con trai, con gái, con dâu và vợ để tang; chồng, con rể, anh em và các cháu đã bỏ tang phục.

Tang phục kết trù: Lễ giỗ năm thứ hai (Đại tường) kết thúc vòng tang, chỉ còn 3 tháng "du ai" thì làm lễ đám tế (hay trù phục) Có nhiều nơi lễ này làm luôn trong lễ đại tường nhưng vợ và người con trai trưởng phải trả đủ 27.

tháng mới thôi chít khăn trắng.

69, *Lễ hưng biến cát*: Hưng: xấu, cát : tốt, từ xấu chuyển sang tốt. Túc là từ trong vòng tang chuyển sang hết vòng tang.

70, *Cây cội nước nguồn*: Cây có cội, nước có nguồn, người có tổ tiên, uống nước nhớ nguồn.

71, *Cao đường*: Nhà cao ví nơi cha mẹ ở.

72, *Phối tể*: Tế phụ vào dưới hàng tiên tổ.

73, *Lễ ngu*: Sau khi cất mộ xong cũng làm lễ tế ngu 3 ngày như khi hưng táng.

74, *Đỗ vũ hay đỗ quyên*: Túc là con cuốc, tiếng kêu rất buồn thảm. Cũng gọi là Tù quy. Đó là tiếng kêu ai oán của vua Vũ Đế nước Thục sau khi chết hóa thành con chim đỗ quyên. Con cuốc gọi mùa hè, các lễ khác ngoài mùa hè không dùng được câu "Đỗ vũ năm canh kêu".

75, *Linh sàng*: Linh thiêng, anh linh, linh hồn, khác với linh sàng : bàn thờ.

76, *Tao khang*: Tao : bã rượu, khang : cám, vợ chồng cùng qua cảnh hàn vi, cùng sống qua ngày với nhau bằng cám, bã rượu.

"Tao khang chi thê bất khả hạ đường" : không thể ruồng bỏ người vợ đã cùng qua cảnh hàn vi.

Đôi câu đối chữ Hán ở bìa 1

Cúc dục ân thâm Thương hải đại

Sinh thành nghĩa trọng Thái sơn cao



PHONG TỤC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(Tập văn cúng gia tiên)

Tái bản có sửa chữa bổ sung

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NÔNG HOÀNG THỤ

Tổng biên tập:

ĐẶNG NAM

Biên tập:

NGUYỄN THỊ CHÍNH

Sửa bản in:

DUYÊN HẢI

Trình bày bìa:

HẢI DUYÊN

PHONG TỤC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(Tập tục cổ truyền Việt Nam)

Tập tục cổ truyền Việt Nam

Tập tục cổ truyền Việt Nam

HONG HOANG TRU

Tập tục cổ truyền Việt Nam

DANG NAM

Tập tục cổ truyền Việt Nam

NGUYEN THI CHINH

Tập tục cổ truyền Việt Nam

DUYEN HAI

Tập tục cổ truyền Việt Nam

HAI DUYEN

In 3000 cuốn, khổ 13 x 19 tại Nhà máy in sách KHKT.

Số in : 193, Số XB : 1186 CT/VHDT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 - 1993